

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

VŨ THU HUYỀN

**BIỆN PHÁP CƯỜNG CHẾ THI HÀNH NGHĨA VỤ  
TRẢ TIỀN THEO PHÁP LUẬT THI HÀNH ÁN  
DÂN SỰ TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 60.38.01.07

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. HÀ THỊ MAI HIÊN

Hà Nội - 2017

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu ghi trong luận văn là trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

**TÁC GIẢ LUẬN VĂN**

**VŨ THU HUYỀN**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BIỆN PHÁP CƯỜNG CHẾ THI HÀNH NGHĨA VỤ TRẢ TIỀN TRONG HOẠT ĐỘNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ .....</b>	<b>7</b>
1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò và ý nghĩa của biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền trong hoạt động thi hành án Dân sự.....	7
1.2. Nguyên tắc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền .....	10
1.3. Nội dung quá trình điều chỉnh pháp luật và các yếu tố bảo đảm thực hiện hiệu quả biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền trong hoạt động thi hành án Dân sự ở Việt Nam. ....	12
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BIỆN PHÁP CƯỜNG CHẾ THI HÀNH NGHĨA VỤ TRẢ TIỀN TRONG HOẠT ĐỘNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI .....</b>	<b>18</b>
2.1. Khái quát một số điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và tổ chức bộ máy thi hành án dân sự của thành phố Hà Nội.....	18
2.2. Thực tiễn áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền trên địa bàn thành phố Hà Nội trong năm 2015 - 2016.....	23
2.3. Những biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền được áp dụng phổ biến trên địa bàn thành phố Hà Nội .....	25
2.4. Các biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền ít được áp dụng .....	40
2.5. Các biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền chưa được áp dụng.....	46
<b>Chương 3: KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ TĂNG CƯỜNG BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT TRONG VIỆC ÁP DỤNG CƯỜNG CHẾ THI HÀNH NGHĨA VỤ TRẢ TIỀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY</b>	<b>51</b>
3.1. Một số vướng mắc trong việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền.....	51
3.2. Kiến nghị, giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền trong thi hành án dân sự.....	66
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự.	69
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>72</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>74</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Bản án, quyết định của Tòa án nhân danh Nhà nước, quyết định của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh và quyết định của Trọng tài thương mại khi được chấp hành nghiêm chỉnh có tác động trực tiếp đến lòng tin của nhân dân đối với pháp luật và nhà nước. Vì thế, hoạt động thi hành án dân sự (THADS) mang ý nghĩa thực sự quan trọng trong việc bảo vệ quyền, lợi ích của các chủ thể, giữ vững kỷ cương phép nước, củng cố trật tự pháp luật và giữ vững pháp chế xã hội chủ nghĩa, đảm bảo cho quyền lực tư pháp được thực thi trên thực tế. Điều 106 Hiến pháp 2013 khẳng định: "*Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành*".

Nhận thức được tầm quan trọng trong công tác này, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra mục tiêu trong những năm tới đây là xây dựng cơ chế bảo đảm mọi bản án của tòa án có hiệu lực pháp luật phải được thi hành, các cơ quan hành chính vi phạm bị xử lý theo phán quyết của tòa án phải nghiêm chỉnh chấp hành. Nhiều năm qua, Chính phủ đã xác định công tác THADS là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và đã đưa ra nhiều giải pháp hiệu quả nhằm tạo sự chuyển biến cơ bản trong công tác này. Luật thi hành dân sự ra đời cùng với một loạt các văn bản quy phạm pháp luật thể chế hóa THA, từng bước xã hội hóa hoạt động THADS như: Hệ thống cơ quan THADS được hình thành trong cả nước, công tác THADS hiện vẫn đang đứng trước những khó khăn, thử thách to lớn với nhiều vấn đề tồn tại, bất cập đang đặt ra cần được giải quyết.

Vấn đề nóng bỏng của ngành THADS là số việc phải thi hành tồn đọng rất lớn. Điều này dẫn đến suy giảm hiệu lực của bản án cũng như tinh thần thượng tôn pháp luật. Một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn tới tình trạng này là việc cơ quan THADS gặp rất nhiều vướng mắc, khó khăn trong việc áp dụng biện pháp cưỡng chế để thi hành dứt điểm vụ việc. Thực trạng này, một phần xuất phát từ nguyên nhân: trình độ chuyên môn của lãnh đạo đơn vị, chấp hành viên, cán bộ làm công tác THADS còn hạn chế, không cập nhật kiến thức mới. Mặt khác, là do chưa có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật, cũng như cơ

quan hữu quan trong quá trình tổ chức cưỡng chế THA. Và nhất là các quy định về cưỡng chế THADS chưa được hoàn thiện, hệ thống các văn bản pháp lý về THADS chưa đầy đủ, chậm được bổ sung, chưa sửa đổi kịp thời hoặc vừa ra đời đã lạc hậu so với thực tiễn sinh động; cơ chế áp dụng pháp luật THA hiện nay chưa thực sự hợp lý, gây cản trở và làm giảm hiệu quả công tác THADS.

Vì thế, để giải quyết tình trạng trên, cần có sự nghiên cứu nghiêm túc thực trạng của hoạt động áp dụng biện pháp cưỡng chế để thi hành nghĩa vụ trả tiền trên một địa bàn có nhiều đặc điểm phổ cập để tìm ra những vướng mắc từ đó có thể sớm hoàn thiện pháp luật về THADS giúp cho hoạt động ngành THADS của Việt Nam hiệu quả hơn.

Trong các biện pháp cưỡng chế THADS theo Luật THADS năm 2008(Được sửa đổi bổ sung một số điều luật thi hành án Dân sự năm 2014), nhóm các biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền chiếm đa số.

**Các biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền bao gồm:**

1. Khấu trừ tiền trong tài khoản, thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án.
2. Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án.
3. Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ .
- 4.Khai thác tài sản của người phải thi hành án.

**Hai biện pháp cưỡng chế còn lại là:**

1. Buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ.
2. Buộc người phải thi hành án thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định.

Chính tính đa dạng của biện pháp cưỡng chế này cùng với trình tự thủ tục từ đơn giản đến phức tạp khi áp dụng đã làm phát sinh nhiều vướng mắc trong thực tế. Mặt khác, trong thực tế số lượng bản án, quyết định phải thi hành nghĩa vụ trả tiền chiếm tỷ lệ rất lớn, cho dù là vụ việc Hình sự, Dân sự, Kinh tế hay Lao động... Chính vì vậy, các biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền được áp dụng khá phổ biến so với các biện pháp cưỡng chế khác.

Đặc biệt việc nghiên cứu chú trọng đến hoạt động cưỡng chế trong thực tiễn tại một địa bàn rất đa dạng và phức tạp về nhiều mặt sẽ góp phần đưa ra được cái nhìn toàn diện về tính hiệu quả cũng như những hạn chế cần khắc phục của các quy định về biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền và các quy định khác liên quan đến hoạt động THADS. Và thành phố Hà Nội là một trong số ít các tỉnh thành của Việt Nam có đầy đủ các điều kiện nêu trên.

Với tất cả những lý do nêu trên, việc chọn đề tài "***Biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền theo pháp luật thi hành án dân sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội***" làm luận văn thạc sĩ luật học là cấp thiết và có ý nghĩa thực tiễn.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Để đảm bảo những yêu cầu đó, trong nhà nước pháp quyền phải có hình thức tổ chức quyền lực nhà nước thích hợp và có cơ chế giám sát sự tuân thủ pháp luật, xử lý các vi phạm pháp luật, bảo đảm cho pháp luật được áp dụng chuẩn xác, nhưng không mất đi sự linh hoạt, tính sáng tạo.

Những năm vừa qua, trước những đòi hỏi khách quan của công tác THADS, đã có một số công trình khoa học nghiên cứu về vấn đề THADS, cụ thể là: - Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ "*Những cơ sở lý luận và thực tiễn về chế định Thừa phát lại*", mã số 95-98-114/ĐT do Viện Nghiên cứu Khoa học Pháp lý - Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì thực hiện;

- Đề tài nghiên cứu cấp Bộ: "*Mô hình quản lý thống nhất công tác thi hành án*", mã số 96-98- 027/ĐT do Cục THADS - Bộ Tư pháp chủ trì thực hiện;

- Đề tài cấp Nhà nước: "*Luận cứ khoa học của việc đổi mới tổ chức và hoạt động thi hành án ở Việt Nam trong giai đoạn mới*" do Bộ Tư pháp chủ trì;

- Đề tài: "*Thi hành án dân sự, thực trạng và hướng hoàn thiện của Dự án VIE/98/001*" do Bộ Tư pháp chủ trì thực hiện dự án.

Một số luận án và công trình nghiên cứu khác như:

- Luận văn thạc sĩ Luật học: "*Các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự, thực tiễn áp dụng và hướng hoàn thiện*", của Nguyễn Công Long, năm 2000;

- Luận văn thạc sĩ Luật học: "*Hoàn thiện pháp luật thi hành án dân sự*" của Nguyễn Thanh Thủy, năm 2001;

- Luận văn thạc sĩ Luật học: "*Đổi mới tổ chức và hoạt động thi hành án dân sự ở Việt Nam*", của Nguyễn Quang Thái: năm 2003;

- Luận văn thạc sĩ Luật học: "*Đổi mới thủ tục thi hành án dân sự ở Việt Nam*", của Lê Anh Tuấn, năm 2004;

- Luận văn thạc sĩ Luật học: "*Biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản để thi hành án dân sự*", của Trần Công Thịnh, năm 2007;

- Luận án tiến sĩ Luật học: "*Hoàn thiện pháp luật thi hành án dân sự ở Việt Nam hiện nay*", của Nguyễn Thanh Thủy, năm 2008;

Bên cạnh đó là một số bài viết đăng trên các tạp chí Dân chủ và pháp luật, Tạp chí Luật học, Tạp chí Nhà nước và pháp luật...

Những công trình nêu trên đã có nội dung nghiên cứu về THADS ở những khía cạnh, góc độ và mức độ khác nhau. Trong một số công trình cũng đã đề cập đến việc áp dụng một biện pháp cưỡng chế THADS ở một số địa phương cụ thể, nhưng chưa có công trình nào nghiên cứu một nhóm các biện pháp cưỡng chế có cùng mục đích ở tại một thành phố lớn như Hà Nội sau khi được mở rộng một cách toàn diện, chuyên sâu, và trong điều kiện pháp luật THADS đã có sự thay đổi về căn bản như hiện nay.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### ***3.1. Mục đích***

Trên cơ sở phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản và thực tiễn áp dụng các quy định của Luật THADS năm 2008 ( Sửa đổi bổ sung một số điều năm 2014) về biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền trên địa bàn thành phố Hà Nội, từ đó tìm ra các vướng mắc và đề xuất các giải pháp để đóng góp vào việc hoàn thiện pháp luật về THADS nhằm nâng cao hiệu quả công tác THADS ở Việt Nam.

### **3.2. Nhiệm vụ**

*Thứ nhất*, Phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản của biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền trong thi hành án dân sự;

*Thứ hai*, đánh giá chân thực và toàn diện thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền trong hoạt động THADS của thành phố Hà Nội, từ đó đi sâu phân tích những kết quả đã đạt được và những hạn chế, tồn tại trong việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền trong hoạt động THADS và làm rõ nguyên nhân của thực trạng đó.

*Thứ ba*, xây dựng những quan điểm, đề xuất các giải pháp kịp thời và lâu dài nhằm đảm bảo việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền theo trong THADS được chuẩn xác, thống nhất trong hệ thống cơ quan THADS ở Việt Nam.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

"*Biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền trong hoạt động thi hành án dân sự trên địa bàn thành phố Hà Nội*" là một đề tài có nội dung rộng, tính chuyên sâu, phức tạp và có tính thực tiễn cao. Vì thế, luận văn được nghiên cứu trên cơ sở thực tiễn áp dụng Luật THADS năm 2008( Sửa đổi bổ sung một số điều năm 2014). Đồng thời, tác giả tập trung nghiên cứu phân tích thực trạng áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền trong THADS, những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân để từ đó đề xuất các giải pháp đảm bảo việc các biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền trong THADS trong điều kiện hiện nay ở thành phố Hà Nội.

### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp luận nghiên cứu đề tài là chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử và phép biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật.

- Các phương pháp cụ thể được sử dụng kết hợp, đó là: Phương pháp nghiên cứu lịch sử, phương pháp phân tích, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê, tổng hợp.



## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

- Luận văn đã đưa ra và luận giải được một số quan điểm cơ bản về khái niệm hoạt động THADS, cơ cấu tổ chức cơ quan THADS, công chức thực hiện hoạt động THADS, góp phần bổ sung, làm phong phú thêm cho hoạt động nghiên cứu khoa học về pháp luật trong lĩnh vực THADS.

- Đánh giá đúng thực trạng áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền của cơ quan THADS ở thành phố Hà Nội hiện nay, phân tích sâu sắc những kết quả đã đạt được, những hạn chế còn tồn tại, và nguyên nhân trong thực tiễn áp dụng của những hoạt động cưỡng chế này.

- Đưa ra những yêu cầu, quan điểm và giải pháp đảm bảo các biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền trong THADS được thực thi chuẩn xác, khoa học và thống nhất nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực, và chất lượng công tác THADS ở thành phố Hà Nội.

- Luận văn là công trình khoa học có thể làm tài liệu cho hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, cho cán bộ hoạt động thực tiễn xây dựng và áp dụng pháp luật, hoạt động thi hành án dân sự.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

*Chương 1:* Một số vấn đề lý luận về biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền trong hoạt động THADS.

*Chương 2:* Thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền trong hoạt động thi hành án Dân sự trên địa bàn thành phố Hà Nội.

*Chương 3:* Kiến nghị hoàn thiện và nâng cao hiệu quả tăng cường bảo đảm thực hiện pháp luật trong việc áp dụng cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền ở Việt Nam hiện nay

## Chương 1

### MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BIỆN PHÁP CƯỠNG CHẾ THI HÀNH NGHĨA VỤ TRẢ TIỀN TRONG HOẠT ĐỘNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

#### 1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò và ý nghĩa của biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền trong hoạt động thi hành án Dân sự

##### 1.1.1. Khái niệm biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền trong hoạt động thi hành án Dân sự

Trong nền kinh tế hàng hóa, tiền là vật tương đương, là công cụ thanh toán hữu hiệu trong các quan hệ nghĩa vụ, hợp đồng và các quan hệ tài sản khác. Thi hành án dân sự về bản chất là thi hành nghĩa vụ về tài sản. Phương châm của hoạt động thi hành án dân sự là khuyến khích các chủ thể nghĩa vụ, người phải thi hành án tự nguyện thi hành. Tuy nhiên, khi chủ thể phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì cơ quan thi hành án phải áp dụng các biện pháp cưỡng chế.

*Cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền trong hoạt động THADS có thể được hiểu là biện pháp dùng quyền lực của Nhà nước buộc người phải thi hành án (THA) thực hiện nghĩa vụ trả tiền (nghĩa vụ thanh toán) của họ, do chấp hành viên áp dụng trong trường hợp người phải THA có điều kiện THA mà không tự nguyện THA.*

Nghĩa vụ trả tiền hay còn gọi là nghĩa vụ thanh toán là loại nghĩa vụ phổ biến trong các quan hệ dân sự, nó phát sinh từ quan hệ hợp đồng, quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và việc thực hiện các nghĩa vụ của công dân đối với Nhà nước. Chính vì vậy, biện pháp cưỡng chế THA để thi hành nghĩa vụ trả tiền chiếm số lượng lớn trong các biện pháp cưỡng chế THA, bởi những tranh chấp liên quan đến nghĩa vụ trả tiền phát sinh rất phổ biến trong sinh hoạt thường ngày cũng như hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, trong các bản án, quyết định đều có quy định nghĩa vụ nộp án phí của người thua kiện hoặc bị cáo nên nghĩa vụ trả tiền xuất hiện ở hầu hết trong các quyết định THA. Trong thực tiễn hoạt động THADS, loại nghĩa vụ này chiếm tới "80% số lượng vụ việc cơ quan THADS phải thi hành" [7]. Có

thể nói, nghĩa vụ trả tiền phát sinh ở hầu hết các bản án, quyết định thuộc thẩm quyền của cơ quan THADS.

Vì vậy, tỷ lệ số vụ việc áp dụng biện pháp cưỡng chế trả tiền cũng chiếm tỷ lệ chủ yếu trong tổng số vụ việc áp dụng biện pháp cưỡng chế. Việc Luật THADS quy định đến 4/6 biện pháp cưỡng chế là thi hành nghĩa vụ trả tiền nhằm bao quát sự đa dạng về mặt vật chất (tài sản vô hình, tài sản hữu hình..) sự rộng rãi về mặt không gian hiện hữu (có tại ngân hàng, người thứ ba, nơi chi trả thu nhập...) và cả tài sản hình thành trong tương lai. Mặc dù quy định nhiều biện pháp như vậy, nhưng các biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền đều nhằm mục đích cuối cùng là chuyển tiền thuộc sở hữu của người phải THA sang cho người được THA. Ngay cả biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản của người phải THA cũng chỉ là bước trung gian để chuyển tài sản bị kê biên thành tiền và chuyển trả người được THA.

*Cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền trong thi hành án dân sự theo pháp luật Việt nam có thể được hiểu là:*

- Một trong những biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự,
- Hoạt động thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự
- Một tiêu chế định pháp luật

### ***1.1.2. Đặc điểm của biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền trong hoạt động thi hành án Dân sự***

Ngoài những đặc điểm chung của biện pháp cưỡng chế THADS, Biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền có những đặc điểm riêng như sau:

*a) Tính linh hoạt của biện pháp thi hành nghĩa vụ trả tiền phù hợp với nền kinh tế hàng hóa – tiền tệ.*

Bất kỳ một loại nghĩa vụ tài sản nào cũng có thể xác định giá trị tương đương bằng một số tiền nhất định . Nghĩa vụ trả tiền được xác lập bởi bản án, quyết định có hiệu lực thi hành; được cho thi hành theo quyết định THA và việc áp dụng biện pháp cưỡng chế là để thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Ví dụ: Bản án tuyên: Ông A phải thanh toán cho ông B số tiền là 100 triệu đồng. Như vậy ông A có nghĩa vụ thanh toán và là người phải THA có thể bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền.

*b) Đối tượng mà biện pháp cưỡng chế tác động là tiền*

*Nếu trong quyết định hay bản án có xác định tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của người phải THA thì cũng được định giá bằng tiền*

Các quyết định cưỡng chế đều liên quan đến tiền hoặc tài sản. Ví dụ: Tại quyết định kê biên quyền sử dụng đất, khấu trừ tiền trong tài khoản của người phải THA đều có nêu kê biên diện tích đất là bao nhiêu, tại vị trí nào hay khấu trừ bao nhiêu tiền.

*c) Không giới hạn số lượng các biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền được áp dụng cũng như số lần áp dụng một biện pháp cưỡng chế.*

Đây là đặc điểm rất riêng của biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền, chấp hành viên khi tổ chức thi hành án có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền trong tài khoản, nếu số tiền thu được không đủ theo quyết định THA thì có thể áp dụng biện pháp kê biên, phát mại tài sản của người phải THA. Mặt khác, nếu người phải THA có nhiều tài khoản, hay nhiều tài sản khác nhau thì chấp hành viên có quyền áp dụng biện pháp khấu trừ với các tài khoản, hay kê biên, xử lý lần lượt các tài sản để THA nhưng phải đảm bảo nguyên tắc giá trị tài sản bị xử lý tương ứng với nghĩa vụ THA của người phải THA theo quyết định THA.

*d) Biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền có thể dừng ở bất kỳ giai đoạn nào trước thời điểm bán đấu giá một ngày làm việc nếu nghĩa vụ trả tiền theo quyết định THA được thực hiện xong.*

Hoặc có thể nói: người phải THA vẫn có quyền tự nguyện THA sau khi bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền. Ví dụ: Sau khi áp dụng biện pháp kê biên tài sản mà người phải THA trả hết tiền phải thanh toán và chi phí cưỡng chế thì Chấp hành viên phải giải tỏa tài sản đã kê biên và kết thúc việc THA. Nhưng với biện pháp cưỡng chế giao tài sản thì vụ việc sẽ kết thúc khi cưỡng chế giao tài sản xong và người phải THA phải chịu chi phí cưỡng chế.

Rõ ràng, thi hành nghĩa vụ trả tiền là một biện pháp thi hành án dân sự phổ biến, hữu hiệu trong nền kinh tế hàng hóa – tiền tệ, thể hiện sự tiếp nối của quá trình điều chỉnh pháp luật các quan hệ tài sản, cơ chế bảo đảm thực thi pháp luật, phục hồi và bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của các chủ thể khi bị xâm phạm. Do vậy, hiệu quả của hoạt

động thi hành án dân sự phụ thuộc rất lớn vào cơ chế quản lý nhà nước về tài sản, đặc biệt là tiền tệ.

## **1.2. Nguyên tắc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền**

Do biện pháp cưỡng chế **thi hành nghĩa vụ trả tiền** có những đặc điểm đặc thù nên khi áp dụng, chấp hành viên ngoài việc tuân thủ các nguyên tắc chung, còn phải tuân thủ các nguyên tắc riêng có của biện pháp cưỡng chế này.

*Nguyên tắc thứ nhất*, cưỡng chế THA phải tương ứng với nghĩa vụ của người phải THA và các chi phí cần thiết. Đây là nguyên tắc cơ bản và xuyên suốt quá trình phát triển của các biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền. Nguyên tắc này được quy định tại Điều 13 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015. Nó được kế thừa từ Điều 8 Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 09/9/2009 của Chính phủ: "*Khi kê biên tài sản, chấp hành viên phải tính các giá trị tài sản kê biên để kê biên tương ứng với nghĩa vụ thi hành án và thanh toán các chi phí thi hành án*".

Nguyên tắc này được đặt ra khi giá trị tài sản người phải THA lớn hơn toàn bộ nghĩa vụ trả tiền theo các Quyết định THA tại thời điểm áp dụng cưỡng chế và các chi phí cưỡng chế theo luật định. Vì vậy, trước khi thực hiện việc cưỡng chế chấp hành viên phải thực hiện việc so sánh số tiền dự kiến thu được từ việc xử lý tài sản của người phải THA (đã trừ chi phí cần thiết) với số tiền phải thi hành. Việc vi phạm nguyên tắc này sẽ dẫn đến xâm phạm lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, nguyên tắc này cũng có ngoại lệ: Trường hợp người phải THA có một tài sản duy nhất, nếu kê biên một phần tài sản sẽ làm giảm đáng kể giá trị của tài sản thì chấp hành viên sẽ tiến hành kê biên toàn bộ (Khoản 1 Điều 13 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015). Ví dụ: Ông A là người phải THA có nghĩa vụ trả số tiền là 500 triệu đồng. Ông A có duy nhất diện tích đất là 40m<sup>2</sup> có mặt tiền rộng 3m và có trị giá là 1,5 tỷ đồng. Trong trường hợp này, chấp hành viên phải kê biên toàn bộ diện tích thửa đất, vì không thể chia nhỏ thửa đất để chỉ kê biên phần diện tích đất có giá trị khoảng 500 triệu đồng.

*Nguyên tắc thứ hai*, khi cưỡng chế tài sản sản thuộc sở hữu chung phải tuân thủ quy định tại Điều 74 Luật THADS. Nguyên tắc này nhằm đảm bảo quyền và lợi

ích hợp pháp của các đồng sở hữu với người phải THA có tài sản bị kê biên. Chấp hành viên phải tiến hành thông báo cho các chủ sở hữu chung được biết về việc sẽ cưỡng chế đối với khối tài sản chung và để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng. Những đồng sở hữu này có quyền thỏa thuận hoặc yêu cầu tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Nếu họ không yêu cầu tòa án giải quyết thì chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng.

Riêng đối với tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng, thì Chấp hành viên xác định theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình và thông báo cho bên còn lại biết. Nếu một bên không đồng ý, thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Chấp hành viên xác định phần sở hữu của người phải THA trong khối tài sản chung, vợ hoặc chồng có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung. Một điểm cần lưu ý ở quy định này là Luật THADS không xác định rõ việc yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung được tính từ thời điểm có đơn yêu cầu gửi tới Tòa án hay là thời điểm Tòa án chính thức thụ lý đơn yêu cầu.

Đối với tài sản chung đã xác định được phần sở hữu, Chấp hành viên phải tiến hành cưỡng chế đối với phần tài sản thuộc sở hữu của người phải THA. Tuy nhiên, nếu đã xác định được phần tài sản mà việc áp dụng cưỡng chế để phân chia làm giảm đáng kể giá trị của tài sản thì Chấp hành viên tiến hành cưỡng chế toàn bộ khối tài sản chung và thanh toán lại cho các sở hữu chung giá trị phần sở hữu của họ.

Một điểm đặc biệt quan trọng là các đồng sở hữu tài sản chung được quyền ưu tiên mua tài sản (khoản 3 Điều 74 Luật THADS).

*Nguyên tắc thứ ba*, khi cưỡng chế tài sản có tranh chấp phải tuân thủ quy định tại Điều 75 Luật THADS. Nội dung của nguyên tắc này là việc cưỡng chế vẫn được tiến hành đối với tài sản có tranh chấp và Chấp hành viên yêu cầu những người liên quan khởi kiện tại Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền. Chấp hành viên sẽ xử lý tài sản đã cưỡng chế theo quyết định của Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền. Nếu hết

thời hạn 30 ngày kể từ Chấp hành viên ngày yêu cầu, mà những người liên quan không khởi kiện hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp thì Chấp hành viên căn cứ Luật THADS để xử lý tài sản đã cưỡng chế.

### **1.3. Nội dung quá trình điều chỉnh pháp luật và các yếu tố bảo đảm thực hiện hiệu quả biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền trong hoạt động thi hành án Dân sự ở Việt Nam.**

#### ***1.3.1. Nội dung quá trình điều chỉnh pháp luật THADS ở Việt Nam:***

Với vai trò quan trọng của mình, biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền đã được quy định ở các văn bản pháp luật trước khi Pháp lệnh THADS 1989 được ban hành như Thông tư số 04/TT-NCPL ngày 14/4/1966 của TANDTC.

Pháp lệnh THADS năm 1989 đã quy định biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền bao gồm ba biện pháp sau:

- Kê biên tài sản;
- Trừ vào thu nhập của người phải THA.
- Trừ vào tài sản của người phải THA đang do người khác giữ.

Ba biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền này tiếp tục được kế thừa và không có sự thay đổi tại Pháp lệnh THADS năm 1993.

Mặc dù vậy ba biện pháp cưỡng chế quy định tại Pháp lệnh THADS năm 1993 đã không phù hợp với sự phát triển nhanh chóng của kinh tế xã hội trong thời kỳ đổi mới. Điều này, đòi hỏi việc sửa đổi và bổ sung các biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền tại Pháp lệnh THADS năm 2004. Tiếp tục kế thừa ba biện pháp cưỡng chế nêu trên, Pháp lệnh THADS năm 2004 đã có những sửa đổi, bổ sung căn bản sau:

*Thứ nhất*, Pháp lệnh THADS năm 2004 đã quy định một biện pháp cưỡng chế mới tại khoản 3 Điều 37 là: Phong tỏa tài khoản, tài sản của người phải THA tại ngân hàng, tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước.

*Thứ hai*, Pháp lệnh THADS năm 2004 quy định kê biên, xử lý tài sản của người phải THA do người thứ ba giữ trong biện pháp kê biên tài sản thay cho việc coi đó là một dạng của biện pháp cưỡng chế: Trừ vào tài sản của người phải THA đang do người khác giữ.

*Thứ ba*, Pháp lệnh THADS năm 2004 đã quy định biện pháp: "Khấu trừ tài khoản, trừ vào tiền, thu hồi giấy tờ có giá của người phải thi hành án" được tách ra đứng độc lập chứ không nằm trong biện pháp trừ vào tài sản của người phải THA đang do người khác giữ.

Những sửa đổi căn bản trên về biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền đã nâng cao hiệu quả thi hành nghĩa vụ trả tiền trong hoạt động THADS. Tuy nhiên, trong thực tiễn thi hành vẫn tiếp tục phát sinh những vướng mắc do sự phát triển quá nhanh của kinh tế xã hội nên việc sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền là một đòi hỏi cấp thiết.

Vì vậy, Luật THADS năm 2008 đó được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2008 với nhiều nội dung được đổi mới và bổ sung, bao gồm cả những biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền.

Các biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền được quy định tại Điều 71 Luật THADS năm 2008 gồm có:

1. Khấu trừ tiền trong tài khoản; thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải THA.
2. Trừ vào thu nhập của người phải THA.
3. Kê biên, xử lý tài sản của người phải THA, kê cả tài sản đang do người thứ ba giữ.
4. Khai thác tài sản của người phải THA.

Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật thi hành án Dân sự năm 2014 không có sửa đổi hay bổ sung gì về các biện pháp thi hành nghĩa vụ trả tiền.

### ***1.3.2. Sự thống nhất và đồng bộ của chính sách, pháp luật***

Có thể nói, trong thực tiễn, vị trí thượng tôn của pháp luật chỉ có thể đạt được khi pháp luật được thực thi một cách nghiêm minh và được các tổ chức, cá nhân tuân thủ một cách nghiêm túc, triệt để. Pháp luật nghiêm minh là điều kiện tiên quyết để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, xây dựng một xã hội trật tự, kỷ cương, ổn định, qua đó, góp phần quan trọng củng cố niềm tin của Nhân dân vào lẽ phải, lẽ công bằng, sự tiến bộ và tính ưu việt của chế độ. Trong quá trình phát



triển kinh tế - xã hội, còn xảy ra xung đột trên các lĩnh vực như lao động, đất đai, môi trường, tài nguyên... Chính vì vậy sự thống nhất đồng bộ của chính sách pháp luật và quy định của các ngành luật khi điều chỉnh cùng một vấn đề đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc Thi hành bản án, quyết định của Tòa án trên thực tiễn cuộc sống; có vị trí, ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ tính nghiêm minh của pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, thực thi công lý, xây dựng một xã hội trật tự, kỷ cương và ổn định, góp phần trực tiếp, tích cực vào việc bảo vệ những quyền con người, quyền công dân mà còn góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội của đất nước và từng địa phương; cụ thể như góp phần tháo gỡ khó khăn, khơi thông, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh thông qua hoạt động thu hồi nợ, giảm nợ xấu và mở rộng tín dụng, bảo vệ quyền chủ nợ và thu hồi nợ của các tổ chức tín dụng hay nâng cao an sinh xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động thông qua việc xử lý kịp thời những vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

### ***1.3.3. Cơ chế quản lý tài sản nói chung, quản lý tiền mặt, thu nhập cá nhân minh bạch***

Tại Việt nam Cơ chế quản lý tài sản nói chung, quản lý tiền mặt và thu nhập của các tầng lớp dân cư và đặc biệt của người phải thi hành án chưa tốt, cụ thể : quy định về quản lý tài sản là động sản, bất động sản còn bị buông lỏng, không có cơ quan nào có thể xác định rõ một người đang sở hữu một số lượng tài sản là bao nhiêu? Có bao nhiêu tiền mặt hoặc tổng nhu nhập thực tế là bao nhiêu. Chính vì vậy, mặc dù có chức năng đi xác minh tài sản của người phải thi hành án, nhưng trong hoạt động thi hành án Dân sự, Chấp hành viên nhiều khi không thể biết bắt đầu xác minh từ đâu và khi nào thì xác minh triệt để. Thêm vào đó, quy định sự phối hợp xác minh của các ngành liên quan nhưng không có chế tài đi kèm, khiến cho việc thực hiện rơi vào tình trạng “Thích thì phối hợp, không thích thì không phối hợp”. Việc mua bán giao dịch tại Việt Nam cho dù với số lượng lớn vẫn có thể giao dịch bằng tiền mặt, tức là lượng tiền tồn trong dân không thể kiểm soát được vì đa phần dân không có thói quen gửi giữ trong tài khoản ngân hàng (và như vậy thì rất khó xác định tiền hoặc tài sản của người phải thi hành án để kê biên). Thu nhập

của người phải thi hành án nếu là trong các cơ quan Nhà nước thì sự phối hợp xác minh và thực hiện khâu trừ tiền không khó, nhưng nếu là trong các doanh nghiệp tư nhân thì thường vấp phải sự không hợp tác của cả người phải thi hành án lẫn chủ sử dụng lao động, mà trong trường hợp này Chấp hành viên không có biện pháp và chế tài xử lý.

#### ***1.3.4. Có sự đồng bộ của thiết chế tổ chức thi hành án:***

Trong những năm gần đây Tổng cục thi hành án dân sự - Bộ Tư Pháp đã ra quyết định và ban hành quy trình tổ chức thi hành án Dân sự quy định chung cho hệ thống thi hành án trên toàn quốc nhằm nâng cao hiệu quả các biện pháp cưỡng chế nói nói riêng, biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền nói chung, với mục đích : Quy định thống nhất trách nhiệm, nội dung công việc, mối quan hệ giữa các phòng chuyên môn , giữa các cá nhân liên quan thuộc cục và chi cục thi hành án Dân sự. Quy định rõ thời gian thực hiện trong quá trình tổ chức thi hành án Dân sự, nhằm đảm bảo việc tổ chức thi hành án kịp thời, đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các cơ quan, tổ chức và công dân. Giúp quản lý hiệu quả hoạt động thi hành án Dân sự của các cơ quan thi hành án Dân sự địa phương.

#### ***1.3.5 Trình độ nghiệp vụ của cán bộ thi hành án***

Đội ngũ Chấp hành viên – những người trực tiếp tổ chức thực hiện việc thi hành án thì ngày càng được củng cố và tăng cường về số lượng, chú trọng về chất lượng, đó là không ngừng giáo dục về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, do vậy kết quả thi hành án năm sau cao hơn năm trước, hàng năm đã tổ chức thi hành hàng trăm nghìn việc thi hành án, thu về cho ngân sách Nhà nước và cho tổ chức, công dân hàng nghìn tỷ đồng, nhiều vụ việc khó khăn, phức tạp kéo dài được giải quyết dứt điểm; góp phần mang lại niềm tin của nhân dân và xã hội vào các cơ quan thực thi pháp luật nói chung và cơ quan thi hành án dân sự nói riêng. Để hoạt động thi hành án dân sự theo tinh thần cải cách Tư pháp ngày càng hoàn thiện, phát huy được đúng vai trò, vị trí của hoạt động thi hành án dân sự trong đời sống xã hội, đòi hỏi phải có những giải pháp hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động thi hành án dân sự, trong đó việc xây dựng đội ngũ Chấp hành viên thi hành án dân sự là một đòi hỏi khách quan, có ý

nghĩa quyết định trong thi hành án dân sự. Vì vậy, để đảm bảo Chấp hành viên có thể yên tâm làm việc, không bị áp lực, quá tải trong công việc Bộ Tư pháp đã có định hướng phải nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của CHV và tăng số lượng ở ngạch Chấp hành viên cao cấp, trung cấp. Nâng cao năng lực cho Chấp hành viên bằng cách phải chuẩn hoá đội ngũ Chấp hành viên ngay từ khi thi tuyển, tiếp nhận công chức cho đến việc tuyển chọn, bổ nhiệm CHV, điều kiện để trở thành Chấp hành viên bắt buộc phải có bằng Cử nhân chuyên ngành Luật, hệ chính quy, đã qua lớp đào tạo nghiệp vụ Chấp hành viên, phải có kinh nghiệm công tác nhất định trong lĩnh vực pháp luật, lĩnh vực thi hành án dân sự.

### ***1.3.6. Các điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội và văn hóa của địa bàn***

Do sự phát triển nhanh chóng về kinh tế, sự đa dạng về văn hóa do địa bàn thành phố Hà Nội là nơi có cư dân của nhiều tỉnh, thành phố ra cùng sinh sống, làm việc nên kéo theo phát sinh nhiều tranh chấp trong quan hệ dân sự, kinh tế cho đến sự gia tăng của các loại tội phạm hình sự. Bởi vậy, số lượng bản án, quyết định được Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ban hành là rất lớn. Mặt khác, giá trị phải thi hành của những bản án, quyết định này rất dạng từ vài trăm ngàn cho đến hàng nghìn tỷ đồng. Không chỉ dừng ở giá trị, tính phức tạp còn bao gồm cả yếu tố nước ngoài, tôn giáo... Với vị trí là thủ đô, trung tâm chính trị của cả nước, thành phố Hà Nội là nơi có trụ sở của tất cả các cơ quan nhà nước trung ương, cơ quan của Đảng và các tổ chức xã hội chính trị khác. Điều này tất yếu sẽ dẫn đến sự đa dạng và phức tạp trong các quan hệ phối hợp giữa các cơ quan cũng như các quan hệ xã hội khác ảnh hưởng đến hoạt động cưỡng chế THADS. Tuy nhiên thành phố Hà Nội là nơi có thể nói là nơi có mặt bằng dân trí cao, thu nhập bình quân đầu người đứng thứ nhất nhì trên cả nước, đây cũng là yếu tố quan trọng đảm bảo thực hiện hiệu quả biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền ở thành phố Hà nội.

### ***1.3.7. Trình độ và mức độ sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước***

Trong thời gian qua Đảng và Chính phủ đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về ứng dụng Công nghệ thông tin : Đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành

nước mạnh về công nghệ thông tin”; đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Ứng dụng Công nghệ thông tin trong các cơ quan thi hành án Dân sự là sự cần thiết tất yếu, để đáp ứng nhu cầu phát triển chung của toàn xã hội, hiện nay các cơ quan thi hành án đã đưa ra yêu cầu về trình độ tin học ngay từ khâu tuyển sinh đầu vào, ngoài ra trong quá trình bổ nhiệm hoặc thi nâng bậc thì quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin là điều kiện cần đối với cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan thi hành án Dân sự. Hiện nay, hệ thống các cơ quan thi hành án Dân sự trên địa bàn thành phố Hà Nội đều trang bị máy vi tính đến mỗi chấp hành viên và cán bộ, việc sử dụng máy vi tính phải đáp ứng ở mức độ sử dụng thành thạo soạn thảo văn bản, và làm báo cáo hàng tháng trên bảng Excel.

Việc phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống cơ quan thi hành án dân sự đã tạo niềm tin của nhân dân vào các cơ quan thi hành án Dân sự, cũng là sự cam kết quyết tâm của các cấp lãnh đạo ngành thi hành án hướng tới việc xây dựng một hệ thống các cơ quan thi hành án chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu phát triển chung của toàn xã hội và xu thế hội nhập quốc tế trong thời kỳ đổi mới.

### **Kết luận chương 1**

Trong nền kinh tế hàng hóa, tiền là vật tương đương, là công cụ thanh toán hữu hiệu trong các quan hệ nghĩa vụ, hợp đồng và các quan hệ tài sản khác. Thi hành án dân sự về bản chất là thi hành nghĩa vụ về tài sản. Phương châm của hoạt động thi hành án dân sự là khuyến khích các chủ thể nghĩa vụ, người phải thi hành án tự nguyện thi hành. Tuy nhiên, khi chủ thể phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì cơ quan thi hành án phải áp dụng các biện pháp cưỡng chế Cùng với sự phát triển của pháp luật THADS, các biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền cũng đã ngày càng được hoàn thiện cho phù hợp hơn nữa với thực tiễn của cuộc sống.

## Chương 2

# THỰC TRẠNG VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BIỆN PHÁP CƯỜNG CHẾ THI HÀNH NGHĨA VỤ TRẢ TIỀN TRONG HOẠT ĐỘNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

### 2.1. Khái quát một số điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và tổ chức bộ máy thi hành án dân sự của thành phố Hà Nội

#### 2.1.1. Một số điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của thành phố Hà Nội :

Hoạt động áp dụng biện pháp cưỡng chế THADS nói chung hay cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền nói riêng luôn là một hoạt động cốt lõi trong hoạt động THADS. Việc áp dụng cưỡng chế không diễn ra ở hầu hết các vụ việc THA nhưng lại có ý rất quan trọng trong việc đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa. Việc áp dụng biện pháp cưỡng chế chịu ảnh hưởng của rất lớn bởi đặc trưng của địa bàn tổ chức cưỡng chế như điều kiện địa lý, kinh tế xã hội. Từ loại vụ việc đến số lượng vụ việc phải áp dụng biện pháp cưỡng chế THADS; các loại biện pháp cưỡng chế được áp dụng, cho đến tính chất phức tạp, quy mô của mỗi vụ việc cưỡng chế. Với một địa bàn như thành phố Hà Nội thì ảnh hưởng này rất rõ nét.

Thành phố Hà Nội là một trong năm thành phố trực thuộc Trung ương của Việt Nam, cùng với Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng và Cần Thơ. Riêng Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh còn được xếp vào đô thị loại đặc biệt.

Sau khi thực hiện Nghị quyết số 15/2008/NQ-QH12, ngày 29/5/2008, kỳ họp thứ ba, Quốc hội khóa XII về việc điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội có hiệu lực từ ngày 01/8/2008, thành phố Hà Nội có diện tích tự nhiên là 3328,9 km<sup>2</sup>, cũng là địa phương đứng thứ nhì về dân số với 7.500.000 người (năm 2015).

Mật độ dân số Hà Nội hiện nay cũng như trước khi mở rộng địa giới hành chính, không đồng đều giữa các quận nội và ngoại thành. Trên toàn thành phố, mật độ dân cư trung bình 1.979 người/km<sup>2</sup> nhưng tại quận Đống Đa mật độ lên tới 35.341 người/km<sup>2</sup>. Trong khi đó, ở những huyện ngoại thành như Sóc Sơn, Ba Vì,

Mỹ Đức, mật độ không tới 1.000 người/km<sup>2</sup>. Theo số liệu điều tra dân số ngày 01/4/2014, toàn thành phố Hà Nội có 2.632.087 cư dân thành thị chiếm 41,2% và 3.816.750 cư dân nông thôn chiếm 58,1%. Đặc biệt, sau khi mở rộng địa giới hành chính, cơ cấu dân số của thành phố Hà Nội còn có người dân tộc thiểu số ở một số huyện như: Mỹ Đức, Ba Vì...

Về tổ chức hành chính, thành phố Hà Nội là thủ đô của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và cũng là kinh đô của rất nhiều vương triều Việt cổ. Do đó, lịch sử Hà Nội gắn liền với sự thăng trầm của lịch sử Việt Nam qua các thời kỳ. Hà Nội là thành phố lớn nhất Việt Nam về diện tích với 3328,9 km<sup>2</sup> sau đợt mở rộng hành chính năm 2008, đồng thời cũng là địa phương đứng thứ nhì về dân số với 7.500.000 người (năm 2015). Hiện nay, thủ đô Hà Nội là đô thị loại đặc biệt của Việt Nam.- với 30 đơn vị hành chính cấp huyện :

- 12 quận: Ba Đình, Bắc Từ Liêm, Cầu Giấy, Đống Đa, Hà Đông, Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hoàng Mai, Long Biên, Nam Từ Liêm, Thanh Xuân, Tây Hồ;

- 17 huyện: Ba Vì, Chương Mỹ, Đan Phượng, Đông Anh, Gia Lâm, Hoài Đức, Mê Linh, Mỹ Đức, Phúc Thọ, Phú Xuyên, Quốc Oai, Sóc Sơn, Thạch Thất, Thanh Oai, Thanh Trì, Thường Tín, Ứng Hòa;

- Và Thị xã Sơn Tây.

584 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 386 xã, 177 phường, 21 thị trấn.

Về kinh tế, thành phố Hà Nội hiện giữ vị trí quan trọng thứ hai trong nền kinh tế Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của thành phố thời kỳ 1991-1995 đạt 12,52%, thời kỳ 1996-2000 là 10,38%. Từ năm 1991 tới 1999, GDP bình quân đầu người của Hà Nội tăng từ 470 USD lên 915 USD, gấp 2,07 so với trung bình của Việt Nam. Theo số liệu năm 2010, GDP của Hà Nội chiếm 12,73% của cả quốc gia và khoảng 41% so với toàn vùng Đồng bằng sông Hồng. Năm 2007, GDP bình quân đầu người của Hà Nội lên tới 31,8 triệu đồng, trong khi con số của cả Việt Nam là 13,4 triệu. Hà Nội là một trong những địa phương nhận được đầu tư trực tiếp từ nước ngoài nhiều nhất, với 1.681,2 triệu USD và 290 dự án. Thành phố Hà Nội cũng là địa điểm của 1.600 văn phòng đại diện nước ngoài, 14 khu công nghiệp cùng 1,6 vạn cơ sở sản xuất công nghiệp. Bên cạnh những công ty nhà nước, các

doanh nghiệp tư nhân cũng đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Hà Nội. Năm 2013, với gần 900.000 lao động, các doanh nghiệp tư nhân đã đóng góp 77% giá trị sản xuất công nghiệp của thành phố. Tổng cộng, các doanh nghiệp tư nhân đã đóng góp 22% tổng đầu tư xã hội, hơn 20% GDP, 22% ngân sách thành phố và 10% kim ngạch xuất khẩu của Hà Nội.

Do sự phát triển nhanh chóng về kinh tế của thành phố Hà Nội kéo theo phát sinh nhiều tranh chấp trong quan hệ dân sự, kinh tế cho đến sự gia tăng của các loại tội phạm hình sự. Bởi vậy, số lượng bản án, quyết định được Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ban hành là rất lớn. Mặt khác, giá trị phải thi hành của những bản án, quyết định này rất dạng từ vài trăm ngàn cho đến hàng tỷ đồng. Không chỉ dừng ở giá trị, tính phức tạp còn bao gồm cả yếu tố nước ngoài, tôn giáo...

Với vị trí là thủ đô, trung tâm chính trị của cả nước, thành phố Hà Nội là nơi có trụ sở của tất cả các cơ quan nhà nước trung ương, cơ quan của Đảng và các tổ chức xã hội chính trị khác. Điều này tất yếu sẽ dẫn đến sự đa dạng và phức tạp trong các quan hệ phối hợp giữa các cơ quan cũng như các quan hệ xã hội khác ảnh hưởng đến hoạt động cưỡng chế THADS.

Với những đặc điểm trên tất yếu dẫn đến tính đa dạng và phức tạp trong hoạt động THADS và đặc biệt trong việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền của thành phố Hà Nội.

### ***2.1.2. Tổ chức bộ máy thi hành án dân sự***

Thành phố Hà Nội là địa bàn rộng lớn với sự khác biệt rõ nét giữa các vùng miền. Mặt khác, thành phố Hà Nội là thủ đô, là trung tâm chính trị, văn hóa và là địa bàn có hoạt động kinh tế lớn thứ hai của cả nước. Bởi vậy, cơ cấu tổ chức và số lượng cán bộ, công chức cũng rất lớn so với các đơn vị THADS địa phương khác trên toàn quốc.

Theo Luật THADS và các quy định dưới luật, bộ máy tổ chức THADS thành phố Hà Nội có một đơn vị THADS cấp tỉnh là Cục THADS thành phố Hà Nội (trong đó có 05 phòng chuyên môn là: Phòng Nghiệp vụ và Tổ chức THA, Phòng Kiểm tra và Giải quyết khiếu nại tố cáo, Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Kế hoạch Tài chính và Văn phòng) và 30 đơn vị cấp quận huyện. 30 đơn vị cấp huyện bao

gồm 12 Chi cục THADS quận, 17 Chi cục THADS huyện và 01 Chi cục THADS thị xã.

### 2.1.3. *Khái quát kết quả hoạt động thi hành án dân sự*

Cơ quan THADS thành phố Hà Nội có chức năng chính là tổ chức thi hành các bản án, quyết định có hiệu lực thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật THADS. Ngoài ra, Cục THADS thành phố Hà Nội còn thực hiện một phần công tác quản lý ngành THADS ở địa phương theo phân cấp của Bộ Tư Pháp.

Kết quả công tác THADS của toàn thành phố Hà Nội sau khi Luật THADS có hiệu lực như sau:

**Bảng1: Thống kê kết quả công tác THADS của toàn thành phố Hà Nội năm 2013,2014,2015,2016.**

Chỉ tiêu pháp lệnh			Số việc( việc)		Giá trị (1000đ)	
			Phải thi hành	Thi hành xong	Phải thi hành	Thi hành xong
Năm	Về việc	Về giá trị				
2013	80%	70%	33.313	23.472	4.329.853.699	2.089.082.924
2014	80%	70%	36.484	25.140	8.081.595.567	4.666.802.169
2015	80%	70%	36.502	23.629	11.677.340.567	5.181.955.124
2016	70%	30%	39.614	22.656	15.050.036.520	2.639.632.843

*Nguồn:* [34], [35], [36],[37].

Trong năm 2015, trên toàn địa bàn thành phố Hà Nội, "đã phải áp dụng cưỡng chế đối với 846 việc trong tổng số 36.502 vụ việc phải thi hành, chiếm tỷ lệ 2,3 %"

Để đánh giá được khối lượng công việc của các cơ quan THADS thành phố Hà Nội, ta sẽ thực hiện so sánh với khối lượng công việc của ngành THADS tỉnh Nam Định và thành phố Hà Nội trong năm công tác 2015.

Tổng số việc phải thi hành:

- "Tỉnh Nam Định: 5.996 việc" [ 39]
- "Thành phố Hà Nội: 36.502 việc" [37]
- Số lượng việc thi hành gấp **6.08 lần.**

Tổng số tiền phải thi hành:



- "Tỉnh Nam Định: 207.323.835.000 đồng " [39]
- "Thành phố Hà Nội: 11.677.340.567.000 đồng " [37]
- Số lượng tiền phải thi hành gấp **56.3 lần**.

Thực hiện so sánh khối lượng công việc trong năm công tác 2015 của Chi cục THADS huyện Mỹ Lộc – tỉnh Nam Định và Chi cục THADS quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội như sau:

Tổng số việc phải thi hành:

- "Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc : 189 việc" [20]
- "Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân: 1.341 việc" [36]
- Tỷ lệ việc phải thi hành của đơn vị Thanh Xuân/đơn vị Mỹ Lộc :7.09 lần.

Tổng số tiền phải thi hành:

- "Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc : 3.796.379.000đ" [20]
- "Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân: 1.525.966.491.000đ" [36]
- Tỷ lệ tiền phải thi hành của Thanh Xuân/Mỹ Lộc : gấp 401 lần.

Đối với các đơn vị cấp quận, huyện của thành phố Hà Nội, do tính đặc thù về địa lý và sự phát triển kinh tế, xã hội không đồng đều nên có sự chênh lệch rất lớn về số việc và giá trị phải thi hành giữa các đơn vị.

**Bảng 2: So sánh số việc và giá trị phải thi hành giữa hai của đơn vị thi hành án cấp quận, huyện trong năm 2014, 2015**

STT	Chi cục THADS	Năm 2014		Năm 2015	
		Việc	Giá trị (1000đ)	Việc	Giá trị (1000đ)
1	Q.Thanh Xuân (A)	1.424	414.846.511	1.341	1.525.966.491
2	H.Thanh Oai (B)	457	58.516.705	613	67.874.467
	So sánh A/B	3.1 lần	7.09 lần	2.18 lần	22.48 lần

Nguồn: [37], [38].

Qua bảng trên, có thể thấy rõ sự chênh lệch rất lớn giữa hai đơn vị này, số việc lớn trên 2-3 lần còn về giá trị thì lớn hơn 7-22 lần.

## 2.2. Thực tiễn áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền trên địa bàn thành phố Hà Nội trong năm 2015 - 2016

Để đánh giá được hiệu quả áp dụng các quy định về cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền theo Luật THADS tại địa bàn thành phố Hà Nội, tác giả đã tiến hành thống kê số vụ việc cưỡng chế được áp dụng tại Cục THADS Thành phố Hà Nội và một số đơn vị THADS cấp huyện.

### 2.2.1. Kết quả việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội

**Bảng 3: Thống kê kết quả khảo sát thực tế việc áp dụng biện pháp cưỡng chế trả tiền của Cục THADS thành phố Hà Nội năm 2015- 2016**

Năm	Số vụ việc tổ chức Cưỡng chế		Tổng số
	Số việc CC không huy động lực lượng	Số việc CC có huy động lực lượng	
2015	250	236	486
2106	546	364	910

Nguồn: [38], [39].

### 2.2.2. Kết quả việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền tại một số đơn vị cấp quận, huyện

**Bảng 4. Thống kê kết quả khảo sát thực tế việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền của một số Chi cục THADS thành phố Hà Nội năm 2016**

(đơn vị tính: việc)

STT	Số vụ việc tổ chức Cưỡng chế			Tổng số
	Chi cục THA	Số việc CC không huy động lực lượng	Số việc CC có huy động lực lượng	
1	Chi cục THA Quận Hai Bà Trưng	12	1	13
2	Chi cục THA quận Cầu Giấy	49	1	50
3	Chi cục THA quận Ba Đình	24	0	24
4	Chi cục THA quận Tây Hồ	11	4	15

Nguồn: [12], [13], [14], [15], [16], [17], [18], [19].

Qua bảng tổng hợp kết quả khảo sát việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền ở một số đơn vị THADS cấp huyện trên địa bàn Hà Nội, thì có 03 biện pháp cưỡng chế không được áp dụng trong năm là:

- Cưỡng chế khai thác đối với tài sản để thi hành án( Điều 107).
- Kê biên, sử dụng, khai thác quyền sở hữu trí tuệ ( Điều 84).
- Thu tiền từ hoạt động kinh doanh của người phải thi hành án( Điều 79).

Nguyên nhân ba biện pháp cưỡng chế nêu trên không được áp dụng không phải vì nhu cầu áp dụng nó không phát sinh trên thực tế mà bắt nguồn từ việc các quy định của pháp luật còn thiếu nên dẫn đến việc né tránh áp dụng các biện pháp này từ phía chấp hành viên.

Số lượng các vụ việc phải áp dụng biện pháp cưỡng chế so với tổng vụ việc phải thi hành là không lớn, ví dụ như Toàn Cục THADS Thành phố Hà Nội năm 2016 phải tổ chức thi hành 39.614 việc, nhưng tổng số vụ việc phải tổ chức cưỡng chế là: 910 việc.

Tuy nhiên, không vì số lượng vụ việc áp dụng biện pháp cưỡng chế ít mà coi nhẹ vai trò của biện pháp cưỡng chế. Tại đơn vị Thi hành án Dân sự quận Thanh Xuân trong năm 2016, tổng số tiền và giá trị có điều kiện thi hành là **459.2** tỷ, trong đó 01 vụ cưỡng chế kê biên tài sản để thu tiền thi hành án đã thi hành được 21.5 tỷ. Mặt khác, việc ít phải áp dụng cưỡng chế chứng tỏ việc áp dụng biện pháp tự nguyện THA của chấp hành viên tại Thanh Xuân là rất hiệu quả. Đơn vị Chi cục THADS quận Thanh Xuân trong năm 2016 chỉ phải áp dụng biện pháp cưỡng chế là 2 việc nhưng số việc thi hành xong được 906 việc.

Việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền phổ biến ở các địa bàn kinh tế xã hội phát triển, đơn cử như Chi cục THADS huyện Hoài Đức năm 2016 phải cưỡng chế 135 vụ việc, trong đó Chi cục THADS huyện Thanh Trì năm 2016 phải cưỡng chế 8 việc.

Qua khảo sát, việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền trên địa bàn thành phố Hà Nội chỉ diễn ra chủ yếu đối với các vụ việc dân sự, kinh tế, hôn nhân - gia đình còn với vụ việc dân sự trong hình sự thì thường chỉ thực hiện xử lý tài sản của người phải THA đã bị cơ quan điều tra, Tòa án kê biên. Nguyên nhân

của hiện tượng trên là do hầu hết người phải THA đang phải THA phạt tù không có tài sản để áp dụng biện pháp cưỡng chế.

Tóm lại, ở trên địa bàn thành phố Hà Nội, số vụ việc phải áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền không phổ biến và chiếm tỷ lệ nhỏ so với tổng việc có điều kiện thi hành. Chỉ có một số biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền được áp dụng thường xuyên như Khấu trừ tiền trong tài khoản, Kê biên phát mại tài sản. Còn các biện pháp cưỡng chế khác ít được áp dụng, cá biệt có biện pháp không được áp dụng như Cưỡng chế khai thác tài sản để THA.

### **2.3. Những biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền được áp dụng phổ biến trên địa bàn thành phố Hà Nội**

#### ***2.3.1. Biện pháp khấu trừ tiền trong tài khoản của người phải thi hành án***

##### ***2.3.1.1. Khái quát về biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền trong tài khoản của người phải thi hành án***

Biện pháp cưỡng chế này được quy định lần đầu tiên tại Pháp lệnh THADS năm 2004, trước đó, biện pháp này được quy định tại Pháp lệnh THADS năm 1989 và Pháp lệnh THADS năm 1993 với biện pháp cưỡng chế *Khấu trừ tiền trong tài khoản* và người có trách nhiệm thực hiện quyết định khấu trừ tiền của CHV tại quy định này khi áp dụng biện pháp này là ngân hàng, tổ chức tín dụng nơi người phải THA mở tài khoản.

Biện pháp này được Luật THADS quy định tại Điều 76 như sau: "Chấp hành viên ra quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản của người phải thi hành án. Số tiền khấu trừ không được vượt quá nghĩa vụ thi hành án và chi phí cưỡng chế" [56].

Để đảm bảo cho việc thực hiện biện pháp cưỡng chế, Luật THADS đã quy định rõ trách nhiệm của Kho bạc nhà nước, ngân hàng và tổ chức tín dụng khác phải phối hợp với chấp hành viên tại Điều 176 như sau:

*1. Cung cấp đúng, đầy đủ, kịp thời thông tin, số liệu về tài khoản của người phải thi hành án theo yêu cầu của Chấp hành viên, cơ quan thi hành án dân sự.*

*2. Thực hiện nghiêm chỉnh, kịp thời yêu cầu của Chấp hành viên về phong tỏa tài khoản, phong tỏa tài sản; khấu trừ tiền trong tài khoản; giải tỏa việc phong tỏa tài khoản, phong tỏa tài sản của người phải thi hành án.*

3. *Thực hiện đầy đủ yêu cầu khác của Chấp hành viên, cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của Luật này* [56].

Tuy nhiên, trong thực tế áp dụng, thì Chấp hành viên còn phải sử dụng những quy định tại Nghị định 70/2000/NĐ-CP ngày 21/11/2000 của Chính phủ về việc giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản của khách hàng để có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế này.

Việc ưu tiên áp dụng biện pháp này xuất phát từ việc thủ tục áp dụng biện pháp này khá đơn giản, mất ít thời gian và thường mang lại kết quả ngay sau khi ban hành Quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản của người phải THA.

#### *2.3.1.2. Thực tiễn áp dụng*

Như đề cập ở Chương 1, thành phố Hà Nội là trung tâm kinh tế đứng thứ hai trong cả nước nên sự phát triển của hệ thống ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác cũng như việc sử dụng thanh toán tiền qua tài khoản rất phổ biến. Mặt khác, là một đầu mối giao thương quan trọng nên các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội là người phải THA khá phổ biến. Vì lí do này, biện pháp khấu trừ tiền trong tài khoản được áp dụng khá phổ biến. Trong thực tế, nếu người phải THA là doanh nghiệp hoặc tổ chức thì đây là biện pháp được ưu tiên áp dụng đầu tiên. Qua khảo sát trong năm 2015, Cục THADS thành phố Hà Nội đã áp dụng biện pháp này 386 lần và số tiền thu được là gần 50 tỷ đồng.

Điểm khó khăn cho việc áp dụng biện pháp này trên địa bàn thành phố Hà Nội là trên địa bàn có quá nhiều ngân hàng. Hà Nội là địa bàn đóng trụ sở và chi nhánh của tất cả các ngân hàng thương mại của Việt Nam và một số lượng lớn các chi nhánh của Ngân hàng nước ngoài hoạt động. Do vậy, với một mạng lưới dày đặc các chi nhánh và phòng giao dịch đã làm cho hoạt động xác minh tài khoản và số dư khả dụng trong tài khoản của người phải THA của Chấp hành viên gặp rất nhiều khó khăn. Năm 2015, tại Cục THADS thành phố Hà Nội đã ra 386 Quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản nhưng vẫn không phản ánh hết đặc thù của biện pháp cưỡng chế này. Vì để có thể áp dụng thành công một lần bằng biện pháp này, Chấp hành viên phải tiến hành xác minh số dư khả dụng trong tài khoản của người phải THA ở rất nhiều ngân hàng.

Cá biệt, khi phải làm việc với các chi nhánh ngân hàng của nước ngoài, do những hạn chế trong hiểu biết về pháp luật nước sở tại mà việc cung cấp xác minh thường rất chậm do lãnh đạo các ngân hàng này đều trì hoãn để đợi ý kiến của bộ phận pháp chế của ngân hàng trước khi cung cấp số dư tài khoản của người phải THA. Bản thân cơ quan THA cũng khá lúng túng khi phải làm việc với những Ngân hàng nước ngoài.

Hiện nay, với sự phát triển của thị trường chứng khoán, việc các cá nhân, tổ chức có mở tài khoản để thực hiện việc mua bán cổ phiếu tại các Công ty chứng khoán là khá phổ biến. Thành phố Hà Nội là địa bàn rất có nhiều công ty chứng khoán nên việc phải áp dụng biện pháp cưỡng chế này theo quy định tại Điều 76 với tài khoản của người phải THA là điều sẽ xảy ra. Nhưng theo quy định tại Điều 176 chỉ quy định trách nhiệm thực hiện yêu cầu của Chấp hành viên chỉ là: Kho bạc nhà nước, ngân hàng và tổ chức tín dụng khác. Theo Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì công ty chứng khoán không phải là một loại hình tổ chức tín dụng. Điều này sẽ khiến việc áp dụng pháp luật vào thực tiễn gặp khó khăn.

Ta có thể tìm hiểu việc áp dụng biện pháp cưỡng chế này qua vụ việc thực tế tại Cục THADS thành phố Hà Nội sau:

Để thi hành bản án số 125/2014/KDTM-ST ngày 28/9/2014 của Tòa án thành phố Hà Nội, Cục trưởng Cục THADS thành phố Hà Nội ra Quyết định số 397/QĐ.THA-CD ngày 02/3/2015 và quyết định 398/QĐ.THA-TĐ ngày 02/3/2015. Cho thi hành các khoản: Tổng công ty cổ phần Xây Dựng phải nộp án phí kinh doanh thương mại - sơ thẩm: 128.469.000đ; Tổng công ty cổ phần Xây Dựng phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam số tiền là 20.469.120.765 đồng.

Qua xác minh tại Sở giao dịch ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt nam, Chấp hành viên được Ngân hàng cho biết Tổng công ty cổ phần Xây Dựng có mở tài khoản và số dư khả dụng là 352.416.894 đồng vào ngày 19/4/2015. Chấp hành viên ra quyết định phong tỏa tài khoản số 21/QĐ-THA ngày 19/4/2015 phong tỏa số tiền 352.416.894đồng trong tài khoản của Tổng công ty cổ phần Xây Dựng kể từ 11 giờ ngày 19/4/2015. Và tiến hành tổng đạt ngay quyết định này cho

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Sau đó, Chấp hành viên ra Thông báo THA số 72/TB-THA ngày 19/4/2015 thông báo cho Tổng công ty cổ phần Xây dựng phải thi hành xong bản án trên trong thời hạn 5 ngày, nếu không tự nguyện, Chấp hành viên sẽ ra áp dụng biện pháp khấu trừ tiền trong tài khoản để THA. Hết thời hạn theo thông báo, Chấp hành viên căn cứ vào Điều 76 Luật THADS ra quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản số 26/QĐ-THA ngày 26/4/2015 với nội dung yêu cầu chuyển số tiền 351.000.000 đ từ tài khoản của Tổng công ty cổ phần Xây dựng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam vào tài khoản của Cục THADS thành phố Hà Nội. Chấp hành viên căn cứ theo Điều 47 Luật THADS để thu án phí và chi trả số tiền còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam theo quyết định THA.

Qua ví dụ này, ta thấy trong thời gian 7 ngày, Chấp hành viên đã áp dụng xong một biện pháp đảm bảo THA và biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền trong tài khoản của người phải THA. Kết quả là đã thi hành xong khoản án phí và một phần tiền để trả người được THA. Tuy nhiên, do Luật THADS không quy định trong trường hợp nào thì phải áp dụng biện pháp cưỡng chế chứ không được áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản. Vì vậy, trong hoạt động thực tiễn, để tránh bị khiếu nại do áp dụng biện pháp cưỡng chế, chấp hành viên luôn thận trọng bằng cách áp dụng biện pháp bảo đảm trước. Điều này vô hình chung đã làm chậm quá trình THA.

### **2.3.2. Biện pháp kê biên, phát mại tài sản**

#### **2.3.2.1. Khái quát về biện pháp kê biên, phát mại tài sản**

##### **a) Kê biên tài sản**

Kê biên tài sản là thuật ngữ khá phổ biến trong văn bản pháp luật cũng như trong thực tiễn áp dụng pháp luật, nhưng ít người biết rõ định nghĩa thuật ngữ kê biên tài sản. Trong cuốn từ điển các thuật ngữ pháp lý thông dụng của nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh năm 1999 đã định nghĩa kê biên tài sản kê biên tài sản là việc ghi lại từng tài sản, cấm việc tẩu tán, phá hủy, để đảm bảo cho việc xét xử và THA.

Trong hoạt động THADS, thuật ngữ kê biên tài sản có thể được hiểu là một biện pháp cưỡng chế do chấp hành viên thực hiện nhằm tính toán và ghi chép lại tài sản theo một trật tự nhất định nhằm mục đích thi hành nghĩa vụ theo quyết định THA.

Kê biên tài sản THA cũng được hiểu là việc hạn chế quyền định đoạt về tài sản của người phải THA nhằm bảo đảm THA.

Trong thực tế, biện pháp kê biên tài sản là biện pháp cưỡng chế có hiệu quả nhất và đem lại giá trị thi hành cao nhất trong tất cả biện pháp cưỡng chế **thi hành nghĩa vụ trả tiền**. Vì vậy, Luật THADS năm 2008 ( Sửa đổi bổ sung một số điều năm 2014) đã kế thừa những quy định từ Pháp lệnh THADS 2004 và Nghị định 173/2004/NĐ-CP ngày 30/9/2004 của Chính phủ quy định về thủ tục cưỡng chế và xử phạt vi phạm hành chính trong THADS và Nghị định số 164/2004/NĐ-CP ngày 14/9/2004 của Chính phủ về kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất để đảm bảo THA. Đồng thời đã bổ sung nhiều quy định để giải quyết các vướng mắc trong quá trình áp dụng Pháp lệnh THADS 2004. Do tính đa dạng của các loại hình tài sản cũng như tính phức tạp của các tình huống khi tổ chức kê biên mà Luật THADS đã quy định cụ thể với từng nhóm tài sản nhất định, như kê biên quyền sử dụng đất được quy định tại Điều 111 hay kê biên đồ vật bị khóa, đóng gói tại Điều 93.

Nguyên tắc cơ bản khi kê biên tài sản là:

Mọi tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của người phải THA đều có thể bị kê biên để THA (trừ tài sản không được kê biên theo quy định của pháp luật), bao gồm tài sản thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng, tài sản do người thứ ba quản lý, sử dụng.

Theo nguyên tắc này, phạm vi tài sản của người phải THA có thể kê biên là rất rộng bao gồm tất cả các dạng tài sản từ tài sản hữu hình đến tài sản vô hình và trong nhiều hình thức sở hữu. Các tài sản không được kê biên theo quy định tại Điều 87 Luật THADS có thể chia ra làm ba nhóm chính như sau:

**Nhóm 1:** Tài sản bị cấm lưu thông theo quy định của pháp luật; tài sản phục vụ quốc phòng, an ninh, lợi ích công cộng ; tài sản do ngân sách nhà nước cấp cho cơ quan, tổ chức.

**Nhóm 2:** Tài sản không được kê biên khi người phải THA là cá nhân:

a) Số lương thực đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người phải THA và gia đình trong thời gian chưa có thu nhập, thu hoạch mới;

b) Số thuốc cần dùng để phòng, chữa bệnh của người phải THA và gia đình;

c) Vật dụng cần thiết của người tàn tật, vật dụng dùng để chăm sóc người ốm;



d) Đồ dùng thờ cúng thông thường theo tập quán ở địa phương;

đ) Công cụ lao động cần thiết, có giá trị không lớn được dùng làm phương tiện sinh sống chủ yếu hoặc duy nhất của người phải THA và gia đình;

e) Đồ dùng sinh hoạt cần thiết cho người phải THA và gia đình.

**Nhóm 3:** Tài sản không được kê biên khi người phải THA là doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

a) Số thuốc phục vụ việc phòng, chữa bệnh cho người lao động; lương thực, thực phẩm, dụng cụ và tài sản khác phục vụ bữa ăn cho người lao động;

b) Nhà trẻ, trường học, cơ sở y tế và thiết bị, phương tiện, tài sản khác thuộc các cơ sở này, nếu không phải là tài sản để kinh doanh;

c) Trang thiết bị, phương tiện, công cụ bảo đảm an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ, phòng, chống ô nhiễm môi trường.

Ngoài những tài sản nêu trên, thì trong một số trường hợp vẫn có những tài sản không được phép kê biên như: Quyền sở hữu trí tuệ trong trường hợp nhằm bảo đảm an ninh quốc phòng, dân sinh và lợi ích của Nhà nước, xã hội theo quy định tại Luật sở hữu trí tuệ mà Nhà nước quyết định chủ sở hữu trí tuệ phải chuyển giao quyền của mình cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác sử dụng trong thời gian nhất định thì trong khoảng thời gian đó, quyền sở hữu trí tuệ này thuộc tài sản nhóm 3 kể trên.

Ngoài những tài sản nêu trên, thì tài sản đang bị cầm cố, thế chấp mà giá trị bằng hoặc thấp hơn nghĩa vụ được bảo đảm thì không được kê biên.

*b) Định giá tài sản*

Sau khi kê biên tài sản để đảm bảo THA, Chấp hành viên phải thực hiện việc định giá tài sản đã kê biên. Định giá tài sản đã kê biên là việc xác định giá trị tài sản bằng tiền nhằm một trong những mục đích sau:

- Xác định giá khởi điểm để bán đấu giá;

- Xác định giá trị tài sản để đối trừ với nghĩa vụ phải THA trong trường hợp người được THA nhận tài sản để THA.

- Xác định giá bán tài sản trong các trường hợp tài sản không thuộc diện phải bán đấu giá.

Có thể nói, việc định giá này có vai trò hết sức quan trọng trong biện pháp kê biên tài sản. Nếu việc định giá được thực hiện đúng luật định, xác định được giá trị tài sản sát với giá thị trường sẽ giúp cho việc xử lý tài sản được thuận lợi, nhanh chóng, đảm bảo tối đa quyền lợi của đương sự. Trên thực tế, định giá tài sản kê biên là công việc khá khó khăn, đặc biệt là sự biến động giá cả hiện nay rất phức tạp. Theo Pháp lệnh THADS năm 2004 thì việc định giá tài sản kê biên hoàn toàn thuộc trách nhiệm của Chấp hành viên, Chấp hành viên phải là chủ tịch các Hội đồng định giá và phải chịu trách nhiệm pháp lý về việc định giá của mình. Thực tế là Chấp hành viên không đủ kiến thức chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ này, mà chủ yếu làm công tác phối hợp giữa thành viên của cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan chuyên môn khác tại buổi định giá. Xác định được bất cập của pháp luật hiện hành về định giá, Luật THADS (Điều 98, 99) đã quy định cụ thể về việc định giá, trong đó có những nội dung rất mới giúp giảm nhẹ gánh nặng cho Chấp hành viên trong công tác định giá tài sản kê biên nói riêng và công tác tổ chức THA nói chung.

Theo Điều 98 Luật THADS, có ba hình thức định giá để xác định giá khởi điểm tài sản kê biên, gồm:

- *Hình thức thứ nhất*: Định giá thông qua sự thỏa thuận của các đương sự;

Đây là hình thức đầu tiên để xác định giá tài sản kê biên và đây cũng là hình thức được cho là hữu hiệu nhất, không mất chi phí định giá, rút ngắn thời gian THA. Hình thức định giá này được kế thừa từ quy định của Khoản 1 Điều 43 Pháp lệnh THADS năm 2004. Theo đó, đương sự có quyền thỏa thuận về giá tài sản đã kê biên hoặc có quyền thỏa thuận về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá ngay sau khi việc kê biên tài sản thực hiện xong. Trên thực tế, hình thức này rất ít được áp dụng trong thực tế. Vì chỉ khi người phải THA không có thiện chí tự nguyện THA thì Chấp hành viên mới phải áp dụng biện pháp kê biên tài sản nên sẽ không thể dễ có sự thỏa thuận.

- *Hình thức thứ 2*: Ký hợp đồng dịch vụ thẩm định giá;

Đây là một hình thức định giá rất mới được bổ sung trong Luật THADS năm 2008. Theo quy định này, chỉ trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày kê biên Chấp hành

viên phải ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khi đương sự không thỏa thuận được giá, không thỏa thuận được việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá và các trường hợp thuộc diện chủ động ra quyết định THA của Thủ trưởng cơ quan THADS. Kết quả thẩm định giá của tổ chức thẩm định giá là giá khởi điểm của tài sản.

- *Hình thức thứ 3*: Chấp hành viên xác định giá khởi điểm:

Trên tinh thần Điều 98 Luật THADS và Điều 26 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP, việc xác định giá tài sản của Chấp hành viên được chia ra hai trường hợp như sau.

+ *Trường hợp thứ nhất*: Những trường hợp không thực hiện được việc ký hợp đồng dịch vụ thẩm định giá thì Chấp hành viên phải lấy ý kiến tham khảo của cơ quan tài chính, cơ quan chuyên môn có liên quan trước khi xác định giá của tài sản kê biên. Sau đó, Chấp hành viên phải tự xác định giá khởi điểm của tài sản kê biên và phải tự chịu trách nhiệm về việc định giá. Nhưng pháp luật THADS chưa quy định hình thức văn bản ghi nhận giá tài sản đã kê biên do chấp hành viên xác định. Tuy nhiên, trường hợp này không xảy ra với địa bàn thành phố Hà Nội. Do hiện nay, có khá nhiều doanh nghiệp sẵn sàng cung cấp dịch vụ thẩm giá cho cơ quan THADS khi có yêu cầu.

+ *Trường hợp thứ hai*: Đối với tài sản kê biên có giá trị nhỏ, Chấp hành viên có quyền chủ động hoàn toàn trong việc xác định giá. Theo khoản 2 điều 26 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính Phủ tài sản có giá trị nhỏ là tài sản mà tại thời điểm xác định giá, sản phẩm cùng loại chưa qua sử dụng có giá bán trên thị trường không quá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Như vậy, Chấp hành viên phải chứng minh được tài sản đó nếu mới 100% có giá trên thị trường là nhỏ hơn hoặc bằng mười triệu đồng.

Định giá lại tài sản được thực hiện trong những trường hợp sau:

- Chấp hành viên có vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 98 của Luật THADS dẫn đến sai lệch kết quả định giá: Đó là những hành vi như ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định với tổ chức không có chức năng, nhiệm vụ thẩm định giá hoặc khi xác định giá đối với tài sản không ký kết được hợp đồng thẩm định giá Chấp hành viên đã không tham khảo ý kiến của cơ quan Tài chính, cơ quan chuyên môn.

- Đương sự có yêu cầu định giá lại trước khi có thông báo công khai về việc bán đấu giá tài sản. Khi người được THA hoặc người phải THA có yêu cầu định giá lại tài sản kê biên thì Chấp hành viên tiến hành định giá lại theo các bước như Điều 98 Luật THADS đã quy định.

Việc định giá lại theo quy định nêu trên sẽ phải thực hiện theo quy định tại Điều 98 Luật THADS.

*c) Xử lý tài sản kê biên*

Tài sản của người phải THA sau khi bị kê biên, định giá thì sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 100; Điều 101; Điều 104 Luật THADS, dưới 03 hình thức: Giao tài sản cho người được THA, bán đấu giá tài sản; bán không qua thủ tục đấu giá.

- Hình thức giao tài sản cho người được THA để THA

Hình thức này được quy định tại Điều 100 Luật THADS:

*Trường hợp đương sự thỏa thuận để người được thi hành án nhận tài sản đã kê biên để trừ vào số tiền được thi hành án thì chấp hành viên lập biên bản về việc thỏa thuận. Việc giao tài sản để trừ vào số tiền được thi hành án được thực hiện trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có thỏa thuận [56].*

Quy định này tạo điều kiện để việc THA được sớm thi hành dứt điểm cũng như thực hiện triệt để nguyên tắc tự định đoạt của đương sự. Trong trường hợp có nhiều người được THA thì người nhận tài sản phải được sự đồng ý của những người được THA khác và phải thanh toán lại cho những người được THA khác số tiền tương ứng tỷ lệ giá trị mà họ được hưởng. Khi thanh toán tiền cho những người được THA, Chấp hành viên căn cứ vào Điều 47 Luật THADS để tính toán số tiền chi trả cho từng người được THA.

- Hình thức Bán đấu giá tài sản.

Bán đấu giá là hình thức xử lý tài sản đã kê biên rất phổ biến và thường đem lại hiệu quả cao trong hoạt động THADS. Bán đấu giá được hiểu là hình thức bán tài sản công khai theo phương thức trả giá lên, có từ hai người trở lên tham gia đấu giá theo nguyên tắc và trình tự, thủ tục được pháp luật quy định. Phương thức trả giá lên là phương thức trả giá từ thấp lên cao cho đến khi có người trả giá cao nhất (khoản 1 Điều 2 Nghị định 17/2010/NĐ-CP). Bán đấu giá tài sản đã kê biên được

thực hiện bởi tổ chức bán đấu giá hoặc chấp hành viên tùy thuộc vào đối tượng và giá trị tài sản bán đấu giá. Tổ chức bán đấu giá bao gồm Trung tâm dịch vụ bán đấu giá thuộc Sở Tư pháp hoặc doanh nghiệp bán đấu giá.

Động sản có giá trị từ trên 10.000.000 đồng và bất động sản phải được bán đấu giá bởi tổ chức bán đấu giá. Nếu trên địa bàn tỉnh, thành phố thuộc địa phương nơi có tài sản chưa có tổ chức bán đấu giá hoặc tổ chức bán đấu giá trừ chối ký hợp đồng dịch vụ bán tài sản thì chấp hành viên thực hiện bán đấu giá. Ngoài ra, Chấp hành viên phải bán đấu giá đối với động sản có giá trị từ hai triệu đến mười triệu đồng (khoản 2; khoản 4 Điều 101 Luật THADS).

Việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá được ưu tiên cho đương sự thỏa thuận lựa chọn trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày định giá. Ngày định giá có thể được hiểu là ngày chấp hành viên nhận được chứng thư thẩm định giá hoặc là ngày chấp hành viên ra văn bản xác định giá tài sản đã kê biên. Chấp hành viên phải lựa chọn tổ chức bán đấu giá trong các trường hợp sau:

- Đương sự không thỏa thuận được tổ chức bán đấu giá trong thời hạn luật định;
- Xử lý tài sản kê biên để thi hành bản án, quyết định quy định tại khoản 1 Điều 36 của Luật THADS.

Việc ký kết hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản phải được thực hiện trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có kết quả định giá tài sản. Người tổ chức bán đấu giá tài sản phải thực hiện các trình tự thủ tục theo quy định tại Nghị định 17/2010/NĐ-CP.

Trong trường hợp bán đấu giá không thành, nếu đương sự không yêu cầu định giá lại thì Chấp hành viên ra quyết định giảm giá tài sản để tiếp tục bán đấu giá. Mỗi lần giảm giá không quá 10% giá đã định (Điều 104 Luật THADS). Số lần ra quyết định giảm giá là không hạn chế và chấp hành viên thực hiện việc ra quyết định giảm giá cho đến khi giá tài sản đã giảm thấp hơn chi phí cưỡng chế mà người được THA không nhận tài sản để trừ vào số tiền được THA thì tài sản được trả lại cho người phải THA. Đây là điểm mới hoàn toàn so với Pháp lệnh THADS năm 2004 về định giá tài sản. Nếu như trước đây Pháp lệnh THADS năm 2004 cũng như

các văn bản hướng dẫn thi hành Chấp hành viên chỉ được tổ chức định giá lại hai lần, nếu tài sản bán đấu giá không thành mà người được THA không đồng ý nhận tài sản để trừ vào tiền THA thì Chấp hành viên trả lại tài sản cho người phải THA. Thì nay, Luật THADS đã quy định Chấp hành viên không phải thành lập Hội đồng định giá mà chỉ căn cứ vào giá trị thị trường để ra quyết định giảm giá và số lần ra quyết định giảm giá không bị hạn chế. Việc đổi mới thủ tục định giá lại đã giúp thời gian xử lý tài sản được rút ngắn.

So với việc bán đấu giá tài sản thông thường, việc bán đấu giá tài sản kê biên để THA có điểm đặc biệt là:

- Trước khi mở cuộc bán đấu giá tài sản 01 ngày làm việc, người phải THA có quyền nhận lại tài sản nếu nộp đủ tiền THA và thanh toán các chi phí thực tế, hợp lý đã phát sinh từ việc cưỡng chế THA, tổ chức bán đấu giá như chi phí về thông báo bán đấu giá,...và người phải THA có trách nhiệm hoàn trả phí tổn thực tế, hợp lý cho người đăng ký mua tài sản. Mức phí tổn do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết (được quy định tại Khoản 5 Điều 101 Luật THADS).

- Trường hợp chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá tài sản hoặc có nhiều người đăng ký mua tài sản nhưng chỉ có một người tham gia và trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm thì tài sản được bán cho người đó, nếu người có tài sản bán đấu giá đồng ý. Việc bán tài sản trong trường hợp này chỉ được tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ việc niêm yết, thông báo công khai, trưng bày tài sản và không có khiếu nại liên quan đến trình tự, thủ tục cho đến khi quyết định bán tài sản theo quy định tại khoản 2; khoản 3 Điều 37 Nghị định 17/2010/NĐ-CP. Trong trường hợp này, Chấp hành viên có quyền quyết định chấp thuận việc bán đấu giá có 01 người đăng ký hay không chưa được quy định trong văn bản luật về THA. Nhưng khái niệm người có tài sản được khoản 6, Điều 2 Nghị định 17/2010/NĐ-CP quy định như sau: "*Người có tài sản bán đấu giá là chủ sở hữu tài sản, người được chủ sở hữu ủy quyền bán tài sản, người có trách nhiệm chuyển giao tài sản để bán đấu giá hoặc cá nhân, tổ chức có quyền bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật*" [27]. Nếu

theo quy định này, thì chấp hành viên có quyền quyết định việc bán tài sản khi có một người đăng ký mua.

- Hình thức bán tài sản không qua thủ tục bán đấu giá

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 101 Luật THADS, chấp hành viên tiến hành bán tài sản không qua thủ tục bán đấu giá sau:

+ Tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng;

+ Tài sản tươi sống, mau hỏng.

Việc bán loại tài sản này phải thực hiện trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kê biên. Nếu không bán được thì trả lại người phải THA, nếu họ không nhận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 126 Luật THADS.

- Chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản cho người mua, nhận tài sản kê biên

Sau khi tài sản đã kê biên được xử lý bằng một trong ba hình thức trên (giao nhận giữa người được THA, người phải THA; bán đấu giá tài sản hoặc bán tài sản không qua thủ tục bán đấu giá), thì chấp hành viên phải thực hiện việc chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản cho người mua, nhận tài sản.

Đối với động sản do cơ quan THADS đang quản lý trong kho thì làm thủ tục xuất kho cho người mua được tài sản hoặc người được THA.

Đối với tài sản là động sản hoặc bất động sản đã giao cho cơ quan, tổ chức hoặc chính quyền địa phương quản lý thì chấp hành viên phải làm văn bản đề nghị cơ quan tổ chức đó thực hiện việc bàn giao tài sản cho người mua được tại sản hoặc người được THA.

Đối với tài sản là động sản hoặc bất động sản được giao cho người phải THA quản lý hoặc người được giao bảo quản tài sản đã kê biên thì Chấp hành viên phải ra thông báo yêu cầu họ tự nguyện giao tài sản trong thời hạn phù hợp. Nếu họ không tự nguyện, Chấp hành viên căn cứ Điều 103; Điều 114; Điều 115; Điều 116; Điều 117 Luật THADS để thực hiện việc giao tài sản.

#### *2.3.2.2. Thực tiễn áp dụng biện pháp kê biên, phát mại tài sản*

Biện pháp cưỡng chế kê biên và xử lý tài sản được áp dụng rộng rãi trên địa bàn thành phố Hà Nội. Với mỗi loại tài sản, Chấp hành viên phải áp dụng các quy

định khác nhau để thực hiện việc kê biên. Trong các loại tài sản, kê biên và xử lý tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là phức tạp và thường kéo dài nhất. Sau khi Luật THADS có hiệu lực, số vụ việc kinh tế thường phải áp dụng biện pháp này ngày càng nhiều. Phổ biến nhất là các vụ việc kê biên và xử lý quyền sử dụng đất của người phải THA để thu nợ cho tổ chức tín dụng, Ngân hàng. Để hiểu rõ biện pháp này, chúng ta sẽ xem xét một vụ việc được Chấp hành viên Cục THADS TP. Hà Nội thực hiện theo quy định của Luật THADS như sau:

Theo bản án số 85/2009/KDTM-ST ngày 05/5/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và đơn yêu cầu THA của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á, Trưởng THADS TP Hà Nội đã ban hành quyết định THA số 1224/QĐTHA.KT ngày 21/8/2009 cho thi hành khoản:

*Buộc Công ty Lam Hồng phải thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á tổng số tiền: 1.690.528.456đ (Một tỷ sáu trăm chín mươi triệu, năm trăm hai tám nghìn, bốn trăm năm sáu đồng);*

*Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

*Xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng 245m<sup>2</sup> đất ở thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 861457 do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì cấp ngày 30/7/2004 cho ông Trần Đăng Quang [33].*

Sau khi chấp hành viên ấn định thời gian tự nguyện và thực hiện việc tổng đạt hợp lệ quyết định THA và giấy báo tự nguyện cho Ngân hàng TMCP Việt Á, bên bảo lãnh là ông Trần Đăng Quang. Riêng Công ty Lam Hồng do không còn hoạt động tại địa chỉ theo quyết định của Tòa án, nên Chấp hành viên phải tiến hành niêm yết Quyết định THA theo quy định tại Điều 42 Luật THADS. Chấp hành viên tiến hành xác minh tại địa chỉ của Công ty theo bản án thì trụ sở Công ty Lam Hồng là đi thuê, Công ty đã chuyển đi, không để lại địa chỉ mới, tại đó không có bất kỳ tài sản nào của Công ty.



Chấp hành viên phải tiến hành xác minh tình trạng hoạt động công ty tại Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội. Phòng Đăng ký kinh doanh trả lời bằng văn bản là Công ty Lam Hồng hiện vẫn đang hoạt động theo đúng nội dung đăng ký kinh (tức là vẫn hoạt động tại địa chỉ theo quyết định của Tòa án).

Chấp hành viên phải có công văn đề nghị cơ quan Thuế đang quản lý Công ty Lam Hồng là Chi cục thuế quận Đống Đa, thành phố Hà Nội cho biết tình trạng hoạt động của công ty Lam Hồng và địa chỉ trụ sở mới nếu có. Sau đó, tại văn bản phúc đáp của cơ quan thuế cho biết: Công ty Lam Hồng đã không nộp tờ khai thuế hàng tháng theo quy định đã 05 tháng và thuộc diện không còn kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký. Đồng thời với việc xác minh tài sản của Công ty Lam Hồng, chấp hành viên ra Thông báo ấn định thời gian 15 kể từ ngày có thông báo, gia đình người bảo lãnh biết nếu không cung cấp được thông tin về tài sản của công ty Lam Hồng hoặc tự nguyện thực hiện trách nhiệm trả nợ của người bảo lãnh thì Chấp hành viên sẽ kê biên quyền sử dụng đất của gia đình và phát mại để thi hành quyết định của Tòa án.

Sau nhiều lần giáo dục, thuyết phục và phía người được THA xin gia hạn thời gian để gia đình người bảo lãnh tự thực hiện nghĩa vụ nhưng không có kết quả. Chấp hành viên ra quyết định kê biên toàn bộ quyền sử dụng đất đối với 245m<sup>2</sup> nêu trên cùng toàn bộ các công trình có trên đất theo quy định tại Điều 110, Điều 111 Luật THADS. Đồng thời ra thông báo cho đương sự được biết về quyền được thỏa thuận giá, hoặc thỏa thuận lựa chọn tổ chức thẩm định giá trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày kê biên theo quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật THADS.

Do đương sự không có văn bản, biên bản nào về việc thỏa thuận tài sản kê biên hoặc lựa chọn tổ chức thẩm định giá, nên Chấp hành viên đã tiến hành ký kết hợp đồng thẩm định giá với doanh nghiệp có chức năng thẩm định giá theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 98 Luật THADS. Sau khi có kết quả thẩm định giá, Chấp hành viên đã ra thông báo về kết quả thẩm định và quyền của đương sự thỏa thuận lựa chọn tổ chức bán đấu giá theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật

THADS. Do không có thỏa thuận nào, Chấp hành viên tiến hành ký kết hợp đồng bán đấu giá với tổ chức bán đấu giá do Chấp hành viên lựa chọn.

Đến trước ngày tổ chức bán đấu giá một ngày, Công ty bán đấu giá tài sản có công văn thông báo việc tổ chức phiên đấu giá không thành do không có người đăng ký mua tài sản.

Chấp hành viên căn cứ Điều 104 Luật THADS, ra quyết định hạ giá tài sản 10% và ký kết phụ lục với công ty bán đấu giá để tiếp tục bán đấu giá.

Công ty bán đấu giá thực hiện lại các thủ tục bán đấu giá theo đúng quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP về bán đấu giá.

Tại phiên đấu giá lần này, tài sản đã bán được. Sau đó 02 ngày, khi người mua được tài sản nộp đủ tiền mua tài sản, Công ty bán đấu giá có văn bản thông báo kết quả bán đấu giá và đề nghị cơ quan THA thực hiện việc giao tài sản đã bán đấu giá thành.

Chấp hành viên ra Thông báo THA ấn định trong thời hạn là 15 ngày, gia đình ông Quang phải tự nguyện chuyển dọn toàn bộ tài sản và người ra khỏi diện tích 245m<sup>2</sup> đất nêu trên để cơ quan THADS giao tài sản cho người trúng đấu giá.

Hết thời hạn trên, gia đình ông Quang không tự nguyện, Chấp hành viên phải tiến hành lập kế hoạch cưỡng chế theo quy định tại Điều 72 Luật THADS và tổ chức họp trừ bị cưỡng chế.

Trên cơ sở sự thống nhất của chính quyền địa phương, Viện kiểm sát nhân dân và công an thành phố Hà Nội, công an huyện Thành Trì, Chấp hành viên ban hành quyết định cưỡng chế giao quyền sử dụng đất và tài sản theo quy định tại Điều 115; Điều 117 của Luật THADS.

Việc tổ chức cưỡng chế đã không diễn ra do gia đình ông Quang tự nguyện giao nhà đất cho người trúng đấu giá trước ngày tổ chức cưỡng chế.

Cuối cùng, Chấp hành viên tiến hành việc chi trả tiền cho người được THA sau khi đã trừ chi phí kê biên tài sản, phí thẩm định giá, phí bán đấu giá theo quy định tại Điều 47; Điều 73 Luật THADS.

Đây là vụ việc xử lý tài sản của người bảo lãnh để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho người phải THA là công ty Lam Hồng. Để giải quyết xong được vụ việc, Chấp

hành viên đã cần có sự phối hợp của Ủy ban nhân dân xã Duyên Hà, Công an xã Duyên Hà, các ban ngành đoàn thể của UBND huyện Thanh Trì; Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội khi kê biên tài sản. Khi chuẩn bị kế hoạch cưỡng chế giao tài sản đã bán đấu giá thì đã cần thêm sự tham gia của Công an bảo vệ và hỗ trợ tư pháp của thành phố Hà Nội, bộ phận cứu thương 115, lực lượng cứu hỏa và Ủy ban nhân dân phường Vạn Phúc (nơi sẽ bảo quản tài sản và nơi ở tạm thời cho gia đình ông Quang). Việc thiết lập mối quan hệ hợp tác với nhiều đầu mối để đảm bảo sự thành công của việc áp dụng biện pháp cưỡng chế này là hết sức vất vả.

Do địa bàn Hà Nội là trung tâm kinh tế lớn nên sự biến động giá là rất mạnh, đặc biệt đối với bất động sản khi có cơn "sốt". Điều này dẫn tới giá được định cho tài sản đã kê biên (đặc biệt là nhà đất) để làm giá khởi điểm bán đấu giá không sát với giá thị trường nên dẫn đến việc người mua cố ý dìm giá để mua được giá rẻ gây thiệt hại cho các đương sự hoặc giá khởi điểm quá cao so với giá thị trường nên không có người đăng ký mua, dẫn tới phải giảm giá tài sản đã kê biên và thực hiện lại thủ tục bán đấu giá. Việc này sẽ làm vụ việc bị kéo dài. Tại vụ việc nêu trên, tại thời điểm ra quyết định THA thì tổng giá trị tài sản chỉ vào khoảng 1,5 tỷ đồng, đến khi bán đấu giá khoảng 2,2 tỷ, khi giao xong tài sản địa phương cho biết giá vào khoảng 3,5 tỷ. Việc này thường sẽ gây ra bức xúc cho người bị xử lý tài vì tiếc của và dẫn đến việc chống đối lại lực lượng cưỡng chế khi cưỡng chế giao tài sản.

#### **2.4. Các biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền ít được áp dụng**

##### **2.4.1. Biện pháp thu tiền của người phải thi hành án do người thứ ba giữ**

Biện pháp cưỡng chế này được quy định tại Điều 81 Luật THADS:

*Trường hợp phát hiện người thứ ba đang giữ tiền của người phải thi hành án thì Chấp hành viên ra quyết định thu khoản tiền đó để thi hành án. Người thứ ba đang giữ tiền của người phải thi hành án có nghĩa vụ giao nộp tiền cho Chấp hành viên để thi hành án. Chấp hành viên lập biên bản thu tiền, cấp biên lai cho người thứ ba đang giữ tiền và thông báo cho người phải thi hành án. Trường hợp người thứ ba đang giữ tiền không ký vào biên bản thì phải có chữ ký của người làm chứng [56].*

Biện pháp cưỡng chế này có điểm tương tự với biện pháp khấu trừ tiền trong tài khoản vì đối tượng phải thi hành quyết định cưỡng chế là người thứ ba, không

có quyền và nghĩa vụ theo nội dung quyết định THA. Sau khi nhận được quyết định cưỡng chế của chấp hành viên, người thứ ba đang giữ tiền của người phải THA phải thực hiện việc chuyển giao tiền cho cơ quan THADS thông qua hình thức chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt. Tuy nhiên, người thứ ba của biện pháp cưỡng chế thu tiền của người phải THA do người thứ ba là bất kỳ thể nhân, pháp nhân nào, còn biện pháp khấu trừ tiền trong tài khoản thì người thứ ba là các Ngân hàng, tổ chức tín dụng, kho bạc Nhà Nước.

Qua thực tiễn, thì việc áp dụng biện pháp này không phổ biến, do khả năng thu thập thông tin còn hạn chế, cũng như việc ít nhận được sự phối hợp của người quản lý tiền của người phải THA. Sau đây là một trường hợp áp dụng biện pháp cưỡng chế này:

Đề thi hành bản án số 151/2007/KDTM-ST ngày 28/12/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, Trưởng THADS thành phố Hà Nội (nay là Cục trưởng) đã ra quyết định THA số 100/QĐ.THA-KT và số: 99/QĐ-THA cùng ngày 11/4/2008 cho thi hành các khoản sau: - Án phí kinh doanh thương mại - sơ thẩm: 28,979,000đ; Buộc Công ty TNHH 405 phải trả Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn là 1.979.650.000đ (Một tỷ chín trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Qua làm việc với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Chấp hành viên biết được Công ty TNHH 405 có số tiền đền bù hiện do Dự trữ quốc gia khu vực Hà Nội quản lý. Chấp hành viên tiến hành xác minh tại cơ quan này thì được cung cấp: Dự trữ quốc gia khu vực Hà Nội đang quản lý số tiền 352.000.000đ của Công ty TNHH 405 Chấp hành viên đó ra Quyết định thu tiền của người phải THA đang do người thứ ba giữ. Sau khi nhận được quyết định cưỡng chế trên, Dự trữ quốc gia khu vực Hà Nội đó chuyển số tiền 352 triệu đồng vào tài khoản của cơ quan THADS thành phố Hà Nội.

Có thể nói đây là một trường hợp khá hiếm gặp vì số tiền này do Dự trữ khu vực Hà Nội không trả cho Công ty TNHH 405 vì trong nội bộ công ty này có nhiều mâu thuẫn nên không có người đại diện hợp pháp. Do vậy, số tiền trên mới còn để chấp hành viên cưỡng chế. Mặt khác, người quản lý số tiền trên là một đơn vị hành

chính sự nghiệp của nhà nước nên có thái độ phối hợp tích cực với cơ quan THA, còn với các đối tượng khác thì số tiền rất dễ được chuyển cho người phải THA khi chấp hành viên chưa có quyết định cưỡng chế kịp thời.

#### **2.4.2. Biện pháp cưỡng chế thu giữ, xử lý giấy tờ có giá**

##### **2.4.2.1. Khái quát biện pháp cưỡng chế thu giữ, xử lý giấy tờ có giá**

Biện pháp này được quy định tại Điều 82 Luật THADS, Loại tài sản bị áp dụng cưỡng chế là giấy tờ có giá và được chia làm hai trường hợp căn cứ vào chủ thể đang giữ giấy tờ có giá:

- Giấy tờ có giá do người phải THA giữ;
- Giấy tờ có giá do người thứ ba giữ.

Nhưng biện pháp áp dụng cho cả hai trường hợp này là giống nhau khi đều buộc người đang giữ phải chuyển giao giấy tờ có giá theo quy định tại Điều 82 Luật THADS.

Vậy giấy tờ có giá là gì?

Theo Điều 163, Bộ luật dân sự năm 2005: "*Giấy tờ có giá là một loại tài sản*" [53]. Như vậy, giấy tờ trị giá được bằng tiền mới được coi là tài sản. Bởi vì, những giấy tờ giá trị được bằng tiền mới có thể đưa vào giao dịch dân sự. Một số tài liệu khác lại liệt kê giấy tờ có giá bao gồm: "*Cổ phiếu, công trái, séc, giấy ủy nhiệm chi, tín phiếu, kỳ phiếu, sổ tiết kiệm...*".

Tại Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm đã quy định Giấy tờ có giá là: "*Giấy tờ có giá bao gồm cổ phiếu, trái phiếu, hối phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi, séc, giấy tờ có giá khác theo quy định của pháp luật, trị giá được thành tiền và được phép giao dịch*" [24].

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, khái niệm Giấy tờ có giá cũng được nhiều văn bản luật chuyên ngành ghi nhận.

Trong lĩnh vực ngân hàng, Giấy tờ có giá được coi là giấy chứng nhận của tổ chức tín dụng phát hành để huy động vốn trong đó xác nhận nghĩa vụ trả nợ một khoản tiền trong một thời hạn nhất định, điều kiện trả lãi và các điều khoản cam kết khác giữa tổ chức tín dụng và người mua (theo khoản 1 Điều 4 Quy chế phát hành giấy tờ có giá trong nước của tổ chức tín dụng được Ban hành kèm theo Quyết định

số 07/2008/QĐ-NHNN ngày 24/3/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam). Theo quy định tại văn bản này, Giấy tờ có giá được chia làm 02 loại là:

- Giấy tờ có giá ghi danh, là giấy tờ có giá phát hành theo hình thức chứng chỉ hoặc ghi sổ có ghi tên người sở hữu.

- Giấy tờ có giá vô danh. Giấy tờ có giá vô danh thuộc quyền sở hữu của người nắm giữ giấy tờ có giá.

Trong lĩnh vực chứng khoán, theo Điều 1 Luật sửa đổi; bổ sung một số điều của Luật chứng khoán năm 2006, chứng khoán (một loại giấy tờ có giá) được định nghĩa là: bằng chứng xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với tài sản hoặc phân vốn của tổ chức phát hành. Theo định nghĩa trên thì Giấy tờ có giá không chỉ dừng lại ở cổ phiếu mà còn được mở rộng hơn bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ;
- Quyền mua cổ phần, chứng quyền, quyền chọn mua, quyền chọn bán, hợp đồng tương lai,
- Nhóm chứng khoán hoặc chỉ số chứng khoán;
- Hợp đồng góp vốn đầu tư;

Về hình thức thể hiện của chứng khoán thì hết sức đa dạng có thể là chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử.

Khi xác định được giấy tờ có giá thuộc sở hữu hợp pháp của người phải THA hiện do người phải THA hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân đang giữ thì Chấp hành viên ra quyết định thu giữ giấy tờ có giá đó để THA. Trường hợp người phải THA hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân giữ giấy tờ có giá không giao giấy tờ có giá cho Chấp hành viên thì Chấp hành viên yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao giá trị của giấy tờ đó để THA.

Theo quy định tại Điều 83 Luật THADS, Việc bán giấy tờ có giá thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### *2.4.2.2. Thực tiễn áp dụng*

Ta sẽ nghiên cứu ví dụ sau để hiểu rõ về biện pháp cưỡng chế thu giữ, xử lý giấy tờ có giá sau:

Để thi hành bản án số 209/KDTM-PT ngày 13/11/2015 của Tòa án nhân dân Tối cao, Cục trưởng Cục THADS thành phố Hà Nội đã ra quyết định thi hành án số 303/QĐ.CTHA ngày 10/12/2015 cho thi hành khoản sau:

*Buộc bà Phạm Thị Tuyết Nhung phải trả ông Phạm Trung 500.000.000đ tiền mua cổ phần chưa thanh toán.*

Qua xác minh, Chấp hành viên biết được bà Tuyết Nhung có sở hữu 20.000 cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam có mệnh giá là 10.000đ. Chấp hành viên tiến hành kê biên, định giá và bán đấu giá số cổ phiếu trên. Và tiến hành thủ tục sang tên số cổ phiếu nêu trên cho người mua trúng đấu giá với sự phối hợp tích cực từ phía Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam (là tổ chức phát hành cổ phiếu).

Ở vụ việc này, Chấp hành viên đã áp dụng quy định tại Điều 83 Luật THADS để xử lý số cổ phiếu trên. Tuy nhiên, việc xử lý loại giấy tờ có giá đặc thù này có vấn đề cần được xem xét như sau:

Giá trị cổ phiếu không phụ thuộc vào mệnh giá mà phụ thuộc vào giá trị của nó tại thời điểm được giao dịch trên thị trường. Với loại cổ phiếu của vụ việc này chỉ được giao dịch trên thị trường OTC nên việc định giá chỉ có tính tương đối. Nếu là cổ phiếu được giao dịch trên các sàn giao dịch chính thức như Sàn chứng khoán Hà Nội, Sàn chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thì giá trị của cổ phiếu biến động từng ngày với tỷ lệ có thể lên đến 5-7% một ngày. Như vậy, việc áp dụng Điều 83 Luật THADS sẽ có thể gây thiệt hại cho đương sự. Vì từ ngày định giá cổ phiếu cho đến ngày mở phiên đấu giá ít nhất là phải là 07 ngày. Trong thời gian đó giá trị của cổ phiếu có thể tăng giảm tới vài chục phần trăm.

#### ***2.4.3. Biện pháp cưỡng chế trừ vào thu nhập của người phải thi hành án***

Biện pháp cưỡng chế này được quy định tại Điều 78 Luật THADS, Khi áp dụng biện pháp chỉ được áp dụng khi thỏa mãn một trong những điều kiện sau:

- Do đương sự thỏa thuận;
- Bản án, Quyết định của Tòa án ấn định biện pháp trừ vào thu nhập của người phải THA để THA;

-Thi hành án các khoản cấp dưỡng, THA theo định kỳ hoặc khoản tiền phải THA không lớn hoặc tài sản khác của người phải THA không đủ để THA.

Việc quy định cụ thể các điều kiện riêng của biện pháp cưỡng chế này là do tính đặc thù của nó. Hậu quả của biện pháp cưỡng chế này có thể gây ảnh hưởng lớn tới cuộc sống hàng ngày của bản thân người phải THA và gia đình của họ. Do khi thu nhập của người phải THA bị giảm quá 30% thì nguồn tài chính chi trả cho nhu cầu thiết yếu của cuộc sống sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Vì vậy, khoản 3 Điều 78 Luật THADS đã quy định mức cao nhất được trừ vào tiền lương, tiền công, tiền lương hưu, tiền trợ cấp mất sức lao động là 30% tổng số tiền người phải THA được nhận hàng tháng, trừ trường hợp đương sự có thỏa thuận khác. Đối với thu nhập khác thì mức khấu trừ căn cứ vào thu nhập thực tế của người phải THA, nhưng phải đảm bảo điều kiện sinh hoạt tối thiểu của người đó và người được nuôi dưỡng. Việc xác định mức sinh hoạt tối thiểu của người phải THA và người mà người đó có nghĩa vụ nuôi dưỡng, được căn cứ vào điều kiện cụ thể từng địa phương nơi họ sinh sống.

Thu nhập của người THA được Luật THADS quy định bao gồm: tiền lương, tiền công, tiền lương hưu, tiền trợ cấp mất sức lao động và thu nhập hợp pháp khác. Các khoản thu nhập khác có thể là khoản thu nhập của cán bộ, công nhân trong các tổ chức kinh tế; thu nhập của xã viên hợp tác xã; tiền thưởng và các khoản thu nhập hợp pháp mà người phải THA được nhận từ một tổ chức, cá nhân quản lý thu nhập đó.

Một đặc điểm nổi bật trong hoạt động thực tiễn áp dụng biện pháp cưỡng chế này là chỉ áp dụng với thể nhân mặc dù trong nội dung điều luật chỉ quy định chung là người phải THA, mà người phải THA thì bao gồm cả thể nhân và pháp nhân. Với việc Luật THADS đưa ra khái niệm thu nhập nhân mạnh vào tiền lương, tiền công, tiền lương hưu thì chỉ có thể nhân mới là đối tượng được hưởng các loại hình thu nhập này chứ không phải là pháp nhân.

Trong biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền, chỉ có duy nhất biện pháp cưỡng chế này là một quyết định cưỡng chế có hiệu lực áp dụng nhiều lần. Ví dụ: Để thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng, Chấp hành viên ban hành quyết định



cưỡng chế khấu trừ vào thu nhập và người sử dụng lao động phải khấu trừ tiền lương hàng tháng của người phải THA để chuyên tiền cho cơ quan THA. Việc này có thể diễn ra từ vài tháng cho đến nhiều năm.

Trong thực tế áp dụng tại thành phố Hà Nội, tác giả nhận thấy nghĩa vụ cấp dưỡng thường phát sinh từ các bản án, quyết định hình sự và bản án, quyết định hôn nhân gia đình. Nhưng trong các bản án, quyết định hình sự thì rất hiếm khi áp dụng biện pháp cưỡng chế này vì phần lớn người phải THA đang THA phạt tù và không có tài sản cũng như thu nhập để thực hiện được việc cưỡng chế. Còn đối với các bản án, quyết định hôn nhân gia đình thì thường người phải THA tự nguyện thi hành. Vì vậy, rất ít vụ việc phải áp dụng biện pháp cưỡng chế này. Một điểm đặc biệt là việc thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng thường được tổ chức thi hành tại cơ quan THA cấp huyện cho dù bản án, quyết định thuộc thẩm quyền thi hành của cơ quan THADS cấp tỉnh thì sau khi thụ lý, Cơ quan thi hành án cấp tỉnh sẽ thực hiện việc ủy thác thi hành án đến cơ quan thi hành án cấp huyện. Lí do thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng và áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ thu nhập thường được tổ chức ở cơ quan THA cấp huyện vì các cơ quan này thường ở gần nơi cư trú của người phải THA nên dễ nắm bắt được nguồn thu nhập của người phải THA nên thuận lợi cho việc đôn đốc THA cũng như áp dụng biện pháp cưỡng chế.

## **2.5. Các biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền chưa được áp dụng**

### ***2.5.1. Biện pháp cưỡng chế khai thác tài sản để thi hành án***

Đây là biện pháp cưỡng chế mới được quy định tại Mục 7 gồm 03 điều từ 107 đến 109 Luật THADS. Đây là một biện pháp cưỡng chế mới hoàn toàn trong các biện pháp cưỡng chế để thi hành nghĩa vụ trả tiền. Biện pháp này được ra đời để khắc phục vướng mắc trong hoạt động THADS thực tế là người phải THA có một tài sản duy nhất và có giá trị quá lớn so với nghĩa vụ phải thi hành. Việc áp dụng biện pháp cưỡng chế này không gây tổn kém nhiều chi phí của người phải THA và gia đình của họ, không dẫn đến tình huống đối kháng căng thẳng về quyền lợi giữa các bên, giữ được sự hòa hảo trong xã hội mà vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của người được THA.

Theo quy định tại Điều 107 Luật THADS, điều kiện cần và đủ để áp dụng biện pháp cưỡng chế này là:

a) Tài sản của người phải THA có giá trị quá lớn so với nghĩa vụ phải thi hành và tài sản đó có thể khai thác để THA;

b) Người được THA đồng ý cưỡng chế khai thác tài sản để THA nếu việc khai thác tài sản không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba.

Chấp hành viên ra quyết định cưỡng chế khai thác tài sản khi có đủ hai điều kiện nêu trên. Kể từ thời điểm quyết định cưỡng chế được ban hành, việc thực hiện giao dịch, chuyển giao quyền sở hữu tài sản đối tài sản đang khai thác phải được sự đồng ý của Chấp hành viên.

Tài sản mà người phải THA đang trực tiếp khai thác hoặc cho người khác khai thác thì người đang khai thác tiếp tục khai thác; trừ trường hợp tài sản, bao gồm cả quyền sử dụng đất mà chưa khai thác thì Chấp hành viên yêu cầu người phải THA ký hợp đồng khai thác tài sản với tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác tài sản. Người khai thác tài sản phải nộp số tiền đã thỏa thuận trong hợp đồng khai thác tài sản cho cơ quan THA dân sự sau khi trừ đi chi phí cần thiết. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày chấp hành viên yêu cầu mà người phải THA không ký hợp đồng khai thác thì chấp hành viên kê biên, xử lý tài sản đó để THA.

Để hiểu rõ biện pháp cưỡng chế này, ta sẽ phân tích ví dụ sau:

Bản án tuyên: ông A phải trả bà B số tiền là 50 triệu, ông A chỉ có duy nhất ngôi nhà có giá trị là 5 tỷ tại số 1 phố Quan Nhân, Hà Nội. Bà B đồng ý áp dụng biện pháp cưỡng chế khai thác tài sản để THA. Chấp hành viên ra Quyết định cưỡng chế khai thác tài sản đối với ông A để khai thác ngôi nhà trên. Để thực hiện Quyết định cưỡng chế này, ông A đã ký hợp đồng với ông C thuê tầng 1 ngôi nhà với giá 10 triệu đồng/tháng. Trong hợp đồng có điều khoản, ông C phải trả tiền thuê nhà cho cơ quan THADS để thực hiện nghĩa vụ ông A đối với bà B. Việc ông C nộp tiền thuê nhà cho cơ quan THADS sẽ chấm dứt khi ông C nộp đủ 50 triệu đồng. Khi đó Chấp hành viên phải ra quyết định chấm dứt khai thác tài sản đối với ông A.

Việc cưỡng chế khai thác tài sản bị chấm dứt khi việc khai thác tài sản trong những trường hợp sau (Điều 109 Luật THADS):

- a) Việc khai thác tài sản không hiệu quả hoặc làm cản trở đến việc THA;
- b) Người phải THA, người khai thác tài sản thực hiện không đúng yêu cầu của Chấp hành viên về việc khai thác tài sản;
- c) Người phải THA thực hiện xong nghĩa vụ THA và các chi phí về THA;
- d) Có quyết định đình chỉ THA.

Chấp hành viên sẽ ra quyết định chấp dứt khai thác tài sản, riêng đối với trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 109, Chấp hành viên sẽ phải thực hiện việc kê biên và xử lý tài sản để THA.

Từ những phân tích trên, có thể thấy được tính phức tạp trong việc áp dụng biện pháp cưỡng chế này. Khi áp dụng, Chấp hành viên phải thường xuyên giám sát việc người đang khai thác tài sản để đảm bảo họ không gây tổn hại tới tài sản đang khai thác cũng như phải nộp đầy đủ tiền khai thác tài sản để THA. Ngoài ra, Chấp hành viên phải chịu trách nhiệm buộc người đang khai thác giao trả tài sản khi biện pháp cưỡng chế khai thác tài sản bị chấp dứt. Với rất nhiều trách nhiệm và diễn ra trong thời gian dài, biện pháp cưỡng chế khai thác sẽ không thể được áp dụng khi có ít quy định pháp luật hướng dẫn.

### ***2.5.2. Biện pháp thu tiền của người phải thi hành án***

Biện pháp cưỡng chế này được quy định tại Điều 80 Luật THADS. Biện pháp này được áp dụng khi phát hiện người phải THA đang giữ tiền và có căn cứ xác định đó là tiền của người phải THA thì chấp hành viên ra quyết định cưỡng chế và lập biên bản thu tiền và cấp biên lai cho người phải THA.

Luật THADS không quy định chấp hành viên có quyền lục soát người phải THA nên việc buộc người phải THA giao nộp tiền là rất nan giải. Mặt khác, không dễ để chứng minh tiền do người phải THA giữ là thuộc sở hữu của họ. Bản thân người phải THA sẽ khai số tiền đó là do cầm hộ, giữ hộ, chuyển hộ cho người khác. Chính bởi những nguyên nhân này mà Chấp hành viên né tránh áp dụng biện pháp này trong thực tế.

### ***2.5.3. Biện pháp thu tiền từ hoạt động kinh doanh của người phải thi hành án***

Biện pháp cưỡng chế thu giữ tiền từ hoạt động kinh doanh chỉ mới được quy định tại Điều 79 Luật THADS: "*Trường hợp người phải THA có thu nhập từ hoạt*

*động kinh doanh thì Chấp hành viên ra quyết định thu tiền từ hoạt động kinh doanh của người đó để thi hành án" [56].* Biện pháp cưỡng chế này là một loại hình đặc thù của biện pháp cưỡng chế khấu trừ vào thu nhập của người phải THA. Điểm khác biệt là biện pháp này nhấn mạnh nguồn phát sinh tiền bị cưỡng chế là từ hoạt động kinh doanh của người phải THA. Biện pháp cưỡng chế này là một loại hình đặc thù của biện pháp cưỡng chế khấu trừ vào thu nhập của người phải THA. Điểm khác biệt là biện pháp này nhấn mạnh nguồn gốc của tiền để THA là từ hoạt động kinh doanh của người phải THA.

Việc thu tiền được tiến hành định kỳ hàng tuần, tháng, quý hoặc năm tùy thuộc tính chất ngành nghề kinh doanh của người phải THA.

Điều kiện để áp dụng biện pháp này là người phải THA có thu nhập từ hoạt động kinh doanh. Khi áp dụng, chấp hành viên phải để lại số tiền tối thiểu cho hoạt động kinh doanh và sinh hoạt của người phải THA và gia đình.

Để xác định số tiền tối thiểu cho hoạt động kinh doanh chấp hành viên phải căn cứ vào kết quả kinh doanh của người phải THA trên cơ sở sổ sách, giấy tờ và tình hình kinh doanh thực tế của người phải THA. Số tiền để lại tối thiểu cho sinh hoạt phải căn cứ vào chuẩn nghèo áp dụng với địa phương nơi họ sinh sống. Để xác định mức tiền tối thiểu để lại cho hoạt động sản xuất kinh doanh, chấp hành viên căn cứ vào tính chất ngành, nghề kinh doanh; doanh thu của doanh nghiệp.

Việc phải để lại số tiền tối thiểu cho sinh hoạt của người phải THA và gia đình dẫn đến nhiều khả năng:

- Nếu người phải THA thực hiện nhiều hoạt động kinh doanh hay có nhiều nguồn thu khác ngoài hoạt động kinh doanh thì có phải tuân thủ điều kiện này không?

- Gia đình người phải THA không sống bằng nguồn thu nhập từ hoạt động kinh doanh của người phải THA thì có phải tuân thủ điều kiện này không?

Nội dung điều luật mới chỉ hiểu đơn thuần là người phải THA chỉ có một hoạt động kinh doanh và người phải THA và gia đình họ (nếu có) sẽ sống phụ thuộc vào nguồn thu nhập này.

Nếu xét về điều kiện áp dụng, thì biện pháp này thuận lợi hơn biện pháp khấu trừ thu nhập của người phải THA, nhưng tuân thủ những điều kiện trên là rất khó khăn trong thực tế nên chấp hành viên sẽ tránh áp dụng.

## **Kết luận chương 2**

Từ thực trạng thi hành án dân sự trên địa bàn thành phố Hà Nội ta thấy Hà nội là một địa bàn rộng và có mật độ dân cư đông, mặt bằng trình độ dân trí cao là những yếu tố dẫn đến tỷ lệ hồ sơ thi hành án Dân sự cũng cao nhất trên cả nước, nhưng không ít người phải thi hành án có nghĩa vụ thi hành án thường không tự nguyện, có tâm lý chây ì, trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trong bản án, quyết định, nên hành vi tẩu tán, hủy hoại tài sản nhằm làm mất đi điều kiện thi hành án. Để ngăn chặn các hành vi nêu trên của người phải thi hành án, Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã bổ sung kịp thời quyền hạn cho các chấp hành viên, đã quy định các biện pháp bảo đảm thi hành án để đáp ứng đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn công tác thi hành án dân sự trong giai đoạn hiện nay nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật về thi hành án dân sự và tạo hành lang pháp lý cho các chấp hành viên thực hiện, hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Nhà nước giao, góp phần không nhỏ vào việc nâng cao hiệu quả trong công tác thi hành án và phải có văn bản hướng dẫn thống nhất, cụ thể hơn nữa để các chấp hành viên có cơ sở vững chắc trong việc áp dụng vào thực tiễn thi hành án.

### Chương 3

## KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ TĂNG CƯỜNG BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT TRONG VIỆC ÁP DỤNG CƯƠNG CHẾ THI HÀNH NGHĨA VỤ TRẢ TIỀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

### 3.1. Một số vướng mắc trong việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền

#### 3.1.1. Vướng mắc từ pháp luật về thi hành án dân sự

Với sự ra đời của Luật THADS và các văn bản hướng dẫn dưới luật, rất nhiều vướng mắc trong thực tiễn THADS nói chung cũng như hoạt động cưỡng chế THA đã được giải quyết. Tuy nhiên, do sự phát triển quá nhanh của xã hội cũng như sự đa dạng, phức tạp của hoạt động THADS mà khi Luật THADS và các văn bản hướng dẫn khi ban hành đã tiếp tục tạo ra các vướng mắc cần sớm được giải quyết. Cụ thể là:

\* Mặc dù Luật THADS đã có nhiều quy định mới về thủ tục cưỡng chế THA nhưng do điều luật chỉ dùng ở việc quy định chung chung công việc phải làm nên việc áp dụng trong thực tiễn gặp rất nhiều khó khăn. Ta sẽ thấy rõ điều này qua việc tìm hiểu một bảng thống kê bút lục một hồ sơ THA phải thực hiện biện pháp cưỡng chế kê biên phát mại tài sản sau:

Thống kê bút lục hồ sơ THA thi hành bản án 85/2009/KDTM-ST ngày 05/5/2009 bằng Quyết định THA số 1244 ngày 21/8/2009 của Cục THADS thành phố Hà Nội [33], ta rút ra những con số hết sức ấn tượng:

- Từ tháng 8/2009 đến hết tháng 3/2011 mới thi hành xong một bản án, tức là mất **19 tháng** để thu hồi được số tiền trên **1,6 tỷ đồng**. Có thể nói thời gian như vậy là quá lâu so với mong muốn của nhà làm luật, nhưng trong thực tiễn thì một vụ việc phải áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, phát mại tài sản thì thời hạn này không hề dài.

- Tổng số bút lục của hồ sơ là **143** (nghĩa là có 143 loại giấy tờ trong hồ sơ) tức là số văn bản do chấp hành viên tạo lập trong hồ sơ là 139 (sau khi đã trừ

những tài liệu có từ ban đầu khi được giao hồ sơ). Thống kê số tài liệu do chấp hành viên phát hành như sau:

- + Thông báo liên quan đến THA : 12 văn bản;
- + Biên bản liên quan đến THA : 31 văn bản;
- + Công văn xác minh và phối hợp THA : 15 văn bản;
- + Tổng số : 58 văn bản.

Trong thực tế, mức trung bình phát hành các văn bản trong hồ sơ THA phải áp dụng biện pháp cưỡng chế cũng tương đương con số nêu trên. Vậy đâu là lí do buộc chấp hành viên phải ra rất nhiều văn bản như vậy? Đó là do việc Luật THADS và các văn bản dưới luật chỉ dừng ở việc quy định chung chung cho đương sự có những quyền nhất định trong mỗi giai đoạn áp dụng cưỡng chế, nhưng không hề có quy định nào đưa ra yêu cầu cụ thể chấp hành viên có phải thông báo, hướng dẫn cho đương sự thực hiện các quyền đó hay đương sự phải tìm hiểu và thực hiện. Chính điều này buộc chấp hành viên phải tự sáng tạo ra các văn bản không trái luật để đảm bảo rằng đương sự đã được biết các quyền do Luật THADS quy định cũng như cách thức thực hiện nó. Và điều này tất yếu sẽ dẫn đến việc THA bị kéo dài, chấp hành viên sẽ tốn nhiều công sức và thời gian hoàn thành từng thủ tục do luật định cũng như để thi hành xong mỗi hồ sơ THA.

\* Một vướng mắc khác liên quan đến nội dung quy định của Luật THADS còn chưa dự liệu được các tình huống phát sinh trong thực tế nên gây ra sự giải thích và áp dụng luật khác nhau. Ta sẽ thấy điều này qua ví dụ sau:

Chi cục THADS quận Thanh Xuân, Hà Nội phải thi hành nội dung quyết định 01/KDTM ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Tòa án quận Thanh Xuân như sau:

*Công ty CP Đầu tư và Xây lắp phải trả Công ty Đầu tư Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng số tiền: 212.000.000đ.*

Chấp hành viên tiến hành xác minh tài khoản của công ty CP Đầu tư và Xây lắp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam thì được biết tài khoản của công ty này vừa chuyển đi 300 triệu đồng trước đó 30 phút. Sau đó Chấp hành viên tiếp tục phong tỏa tài khoản này theo Điều 67 Luật THADS. Sau đó 20 ngày, tài khoản này

phát số dư khả dụng: 400 triệu và Chấp hành viên tiến hành khấu trừ số tiền theo bản án tuyên để thi hành dứt điểm vụ việc.

Vấn đề phát sinh ở đây là theo quy định tại khoản 3 Điều 67 Luật THADS năm 2008 : "*Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định phong tỏa tài khoản, Chấp hành viên phải áp dụng biện pháp cưỡng chế quy định tại Điều 76 của Luật này*" [56]; theo quy định tại khoản 3 Điều 67 Luật THADS được sửa đổi bổ sung một số điều năm 2014 "*Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi giữ Chấp hành viên phải áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc ra quyết định chấm dứt việc phong tỏa theo quy định của Luật này*"

Trong vụ việc này, Chấp hành viên đã phong tỏa tài khoản tới 20 ngày và bị người phải THA khiếu nại. Nhưng nếu tuân thủ đúng quy định tại khoản 3 Điều 67 thì tài khoản không có tiền để áp dụng biện pháp khấu trừ tài khoản của người phải THA.

Vấn đề này có thể được lý giải là quy định tại khoản 3 Điều 67 Luật THADS chỉ áp dụng khi tài khoản của người phải THA có đủ tiền hoặc một phần tiền để THA và chấp hành viên áp dụng biện pháp bảo đảm THA là phong tỏa tài khoản để làm cơ sở cho việc áp dụng biện pháp cưỡng chế. Tuy nhiên, Chấp hành viên lại căn cứ vào quy định này để phong tỏa tài khoản (tức yêu cầu ngân hàng chỉ cho tiền vào trong tài khoản nhưng không cho chuyển tiền ra khỏi tài khoản) mà trong tài khoản có số dư khả dụng bằng không. Mục đích là nhằm đón lõng các khoản tiền sẽ được chuyển vào tài khoản này để rồi áp dụng biện pháp khấu trừ tiền trong tài khoản. Quay lại với biện pháp phong tỏa tài khoản khi là biện pháp cưỡng chế theo Pháp lệnh THADS 2004, thì việc áp dụng phong tỏa tài khoản để đón lõng tiền chuyển về là rất phổ biến và đem lại hiệu quả cao.

\* Liên quan đến việc kê biên tài sản của doanh nghiệp, khoản 5 Điều 6 Thông tư 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSTNDTC đã quy định về việc kê biên tài sản của doanh nghiệp như sau:

*Cơ quan thi hành án chỉ kê biên tài sản khác của doanh nghiệp phải thi hành án nếu sau khi đã khấu trừ số dư (tiền Việt Nam, ngoại tệ); xử lý vàng, bạc, kim khí*



*quý, đá quý, giấy tờ có giá khác; khấu trừ tài sản của người phải thi hành án đang do cơ quan, doanh nghiệp, cá nhân khác giữ mà vẫn không đủ để thi hành án [10].*

Quy định này tiếp tục kế thừa các quy định về điều kiện kê biên tài sản của doanh nghiệp được quy định tại Thông tư 119/TTLT ngày 04/6/1997 của BTP-BTC mặc dù bối cảnh ban hành hai văn bản này là hoàn toàn khác nhau. Với những quy định này, Chấp hành viên tiếp tục bị làm khó nếu muốn kê biên tài sản của doanh nghiệp. Để thực hiện được việc kê biên tài sản của doanh nghiệp, chấp hành viên phải thực hiện theo trình tự sau:

*Bước 1.* Xác minh tài khoản, số dư tài khoản của doanh nghiệp phải THA để xem xét khả năng áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tài khoản của doanh nghiệp tại tổ chức tín dụng.

*Bước 2.* Sau khi thực hiện bước 1 không thể thi hành xong, Chấp hành viên phải xác minh doanh nghiệp có vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, giấy tờ có giá khác. Nếu xác minh là doanh nghiệp có những loại tài sản này thì thực hiện việc kê biên chúng để xử lý theo quy định của pháp luật.

*Bước 3.* Hết bước 2 mà không thể thi hành xong, Chấp hành viên phải xác minh tài sản của doanh nghiệp do người thứ ba giữ. Tại bước này, chấp hành viên sẽ gặp phải khó khăn khi xác định được các khoản phải thu của doanh nghiệp phải THA. Thứ nhất, doanh nghiệp sẽ thường che giấu thông tin này khiến việc xác minh rất khó khăn. Thứ hai, nếu xác minh được thì khả năng thanh toán các khoản tiền của bên thứ ba sẽ do ai chứng minh?

Sau khi trải qua đủ ba bước trên, Chấp hành viên mới có cơ sở tiến hành việc kê biên tài sản của doanh nghiệp. Thông tư này không quy định việc loại trừ một bước nào kể cả trong trường hợp tài sản nằm trong các bước trên không đủ để thi hành toàn bộ nghĩa vụ theo quyết định THA. Đồng thời cũng không đưa ra các quy định cụ thể về căn cứ để xác định chấp hành viên đã thực hiện ba bước trên hay không.

Với quy định này, việc THA với doanh nghiệp trong hầu hết các vụ việc sẽ bị kéo dài. Chấp hành viên phải thực hiện nhiều thủ tục vất vả hơn mà không có gì đảm bảo rằng việc tuân thủ các bước trên sẽ hạn chế khả năng *tài sản khác* của

doanh nghiệp phải THA không bị kê biên cũng như hoạt động kinh doanh không bị ảnh hưởng.

**\* Liên quan đến hoạt động định giá**

Với những quy định mới của Luật THADS đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động định giá tài sản đã kê biên. Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề phát sinh khi áp dụng những quy định này.

Tại khoản 1 Điều 98 Luật THADS quy định:

*Ngay khi kê biên tài sản mà đương sự thỏa thuận được về giá tài sản hoặc về tổ chức thẩm định giá thì Chấp hành viên lập biên bản về thỏa thuận đó. Giá tài sản do đương sự thỏa thuận là giá khởi điểm để bán đấu giá. Trường hợp đương sự có thỏa thuận về tổ chức thẩm định giá thì Chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá đó [56].*

Quy định này trao quyền cho đương sự được thỏa thuận định giá tài sản đã kê biên hay thỏa thuận lựa chọn tổ chức thẩm định giá, nhưng trong thực tế áp dụng, thì quyền này không được đương sự thực hiện. Lý do là khi đã phải áp dụng biện pháp cưỡng chế, thì mối quan hệ giữa các đương sự đã rất căng thẳng; người phải THA luôn muốn cản trở hoạt động THA còn người được THA thì ngược lại. Ngoài ra, các doanh nghiệp trong lĩnh vực định giá ở thành phố Hà Nội là khá nhiều nhưng hầu hết không được người dân biết đến nên đương sự cũng không có nhiều sự lựa chọn ngoài đề xuất của Chấp hành viên. Quy định này cũng không nêu rõ trách nhiệm của Chấp hành viên trong việc thực hiện quyền thỏa thuận lựa chọn nên trong thực tế Chấp hành viên thường thuyết phục người được THA làm văn bản gửi cơ quan THADS thông báo việc không thực hiện được việc thỏa thuận giá ngay sau khi kê biên tài sản và đề nghị cơ quan THA định giá. Và để đảm bảo các đương sự biết được quyền này, Chấp hành viên phải ra thông báo bằng văn bản nêu rõ quyền này cho đương sự biết trước khi kê biên. Như vậy, một quy định thiếu tính thực tế khiến người thực thi pháp luật phải mất rất nhiều công sức và thời gian để thực hiện những công việc không được luật quy định.

Việc giao cho doanh nghiệp định giá tài sản thông qua hợp đồng dân sự đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xử lý tài sản. Nhưng quy định hiện hành lại không

hề có yêu cầu doanh nghiệp thẩm định giá phải tham gia bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp như tổ chức hành nghề công chứng tư. Bởi vậy, việc doanh nghiệp thẩm định giá có thể định giá sai theo yêu cầu của một bên là rất dễ xảy ra và gây thiệt hại cho các đương sự.

\* Liên quan đến việc bán đấu giá tài sản kê biên:

Việc bán đấu giá tài sản đã kê biên ở thành phố Hà Nội chủ yếu do tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp thực hiện theo thủ tục bán đấu giá chung. Theo quy định tại khoản 2, Điều 37 của Nghị định 17/2010/NĐ-CP:

*Trong trường hợp đã hết thời hạn đăng ký tham gia đấu giá tài sản mà chỉ có một người đăng ký mua tài sản bán đấu giá hoặc có nhiều người đăng ký tham gia đấu giá nhưng chỉ có một người tham gia cuộc bán đấu giá và trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm thì tài sản được bán cho người đó, nếu người có tài sản bán đấu giá đồng ý. Việc bán tài sản trong trường hợp này chỉ được tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ việc niêm yết, thông báo công khai, trưng bày tài sản và không có khiếu nại liên quan đến trình tự, thủ tục cho đến khi quyết định bán tài sản [27]*

Theo quy định này, khi bán đấu giá tài sản đã kê biên để THA chỉ có một người tham gia đấu giá sẽ cần phải làm rõ khái niệm: "người có tài sản bán đấu giá đồng ý". Tại Điều 25 Nghị định 17/2010/NĐ-CP quy định: "Hợp đồng bán đấu giá tài sản được ký kết giữa tổ chức bán đấu giá tài sản và người có tài sản bán đấu giá hoặc người đại diện của người đó" [27].

Nhưng trên thực tế, Chấp hành viên sẽ không thể quyết định cho thực hiện phiên đấu giá có một người đăng ký mua nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của người có tài sản bị kê biên. Nếu gặp trường hợp này, tổ chức bán đấu giá sẽ đưa thêm người khác đăng ký mua tài sản để làm "quân xanh" để tránh việc phải tổ chức bán đấu giá lại khi chỉ có một người đăng ký mua tài sản. Trước khi có những quy định cụ thể nêu trên, tại thành phố Hà Nội đã có vụ việc tổ chức bán đấu giá cho một người đăng ký mua tài sản và hợp đồng mua bán tài sản đã bị Tòa án tuyên vô hiệu tại bản án số 18/DSPT ngày 25/01/2007 của Tòa án nhân dân Tối cao và dẫn đến trách nhiệm bồi thường đối với cả Chấp hành viên và Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản - Sở Tư pháp thành phố Hà Nội cho người mua được tài sản.

\* Một vướng mắc trong việc định đoạt của đương sự đối với tài sản đang trong quá trình thi hành bản án:

Đề thi hành bản án số 163/DSPT ngày 30/6/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, Chi cục THADS quận Thanh Xuân đã căn cứ theo đơn yêu cầu THA của đương sự và quyết định ủy thác thi hành án của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hà Nội ra Quyết định THA số 52 ngày 08/7/2009 cho thi hành các khoản sau: *Buộc chị Nguyễn Thị Thanh và anh Đỗ Hưng phải trả anh Vũ Ngọc Dư số tiền 8.500.000.000đ, chị Thanh và anh Hưng phải bồi thường cho anh Dư số tiền 1.069.111.160đ. Tổng cộng chị Thanh và anh Hưng phải trả cho anh Dư số tiền là: 9.569.111.160đ và khoản lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án.*

*Buộc anh Vũ Ngọc Dư phải trả căn nhà số 267 phố Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội cho chị Thanh và anh Hưng.*

Đây là việc cho thi hành bản án về việc hủy hợp đồng mua bán nhà đất, theo đó cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ tương ứng. Sau khi thực hiện các thủ tục theo quy định, ngày 25/12/2009, Chấp hành viên đã ra quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm THA là tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản đối với ngôi nhà số 267 phố Khương Trung để đảm bảo THA. Ngày 04/01/2010, Tòa án nhân dân Tối cao có công văn yêu cầu hoãn thi hành bản án này trong thời hạn 90 ngày. Hết thời hạn hoãn, ngày 08/4/2010 Chi cục trưởng ra quyết định tiếp tục THA. Ngày 06/5/2010, Chấp hành viên ra quyết định cưỡng chế kê biên tài sản đối với ngôi nhà số 267 phố Khương Trung. Ngày 07/5/2010, Chị Thanh và anh Hưng có đơn khiếu nại quyết định kê biên vì:

*Thứ nhất*, Ngôi nhà 267 Khương Trung đã trở thành tài sản của Công ty OSMOS được quyết định bằng quyết định số 01/2010/QĐST-KDTM của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

*Thứ hai*, chị Thanh và anh Hưng có 03 ngôi nhà khác ở Hà Nội và 02 mảnh đất ở tỉnh Ninh Bình và 01 mảnh đất ở tỉnh Vĩnh Phúc hiện là tài sản bảo lãnh cho

một công ty khác vay tiền Ngân hàng và đề nghị Chi cục THADS quận Thanh Xuân kê biên những tài đó để THA.

Để phục vụ công tác giải quyết khiếu nại, Chấp hành viên phải tiến hành xác minh giá trị và tình trạng của cả năm tài sản trên. Đồng thời Chi cục trưởng đã có văn bản kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với quyết định số 01/2010/QĐST-KDTM của Tòa án nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc.

***Ở vụ việc trên, có hai vấn đề cần đặt ra:***

*Thứ nhất*, Về thời hạn có hiệu lực của quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản. Theo quy định của Điều 69 Luật THADS thì: " *Trường hợp cần ngăn chặn hoặc phát hiện đương sự có hành vi chuyển quyền sở hữu, sử dụng, tẩu tán, hủy hoại, thay đổi hiện trạng tài sản, Chấp hành viên ra quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản của người phải thi hành án và gửi cho cơ quan tổ chức, cá nhân có liên quan để tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản đó.*

*Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ra quyết định, Chấp hành viên thực hiện việc kê biên tài sản hoặc chấm dứt việc tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản" [56].*

Tuy nhiên, trong vụ việc này ngày 25/12/2009 Chấp hành viên căn cứ Điều 69 Luật THADS đề ra quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm THA thì đến ngày 04/01/2010 có công văn yêu cầu hoãn THA của Tòa án nhân dân Tối cao. Vấn đề đặt ra là hiệu lực của Quyết định bảo đảm có bị chấm dứt hay chỉ không có hiệu lực trong thời gian hoãn THA. Và nếu sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi hết thời gian hoãn THA thì với 06 ngày còn lại Chấp hành viên có kịp thực hiện các thủ tục để kê biên tài sản không?

*Thứ hai*, việc đương sự sử dụng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình theo nội dung bản án đã tuyên để góp vốn vào doanh nghiệp và tiếp tục để Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận để người phải THA phải nghĩa vụ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà cho doanh nghiệp bằng một quyết định. Vấn đề đặt ra là có hay

không: việc tẩu tán tài sản trong vụ việc này. Nếu là việc tẩu tán tài sản thì phải có hành vi trái pháp luật của vợ chồng anh Hưng chị Thanh. Nhưng sẽ không có căn cứ để nhận định rằng việc lập hợp đồng góp vốn nhà đất nêu trên vào doanh nghiệp là bất hợp pháp. Vì thời điểm ký hợp đồng góp vốn thì bản án đã có hiệu lực pháp luật và thời điểm này cơ quan THA chưa ra quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm THA. Nhưng với vụ việc cụ thể trên, thì không thể loại trừ hành vi góp vốn là một cách tẩu tán tài sản khỏi việc thi hành nghĩa vụ theo bản án.

\* Liên quan đến quy định việc niêm yết quyết định cưỡng chế theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 42 Luật THADS như sau: "*Niem yết văn bản thông báo tại trụ sở cơ quan thi hành án dân sự, trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của người được thông báo*" [56].

Việc quy định niêm yết văn bản tại nơi cư trú cuối cùng của người được thông báo đã gây khó khăn trong thực tế áp dụng. Quay lại vụ việc thi hành bản án số 85/2009/KDTM-ST ngày 05/5/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, Cục Trưởng Cục THADS TP Hà Nội đã ban hành quyết định số 1224/QĐTHA.KT ngày 21/8/2009 đã được nêu cụ thể ở phần trên, người phải THA là Công ty trách nhiệm hữu hạn Lam Hồng đã không còn hoạt động tại trụ sở tại Giấy đăng ký kinh doanh gần nhất và không xác định được địa chỉ trụ sở mới của Công ty. Tại địa chỉ này là nhà do Công ty đi thuê. Tại thời điểm cơ quan THADS thực hiện việc tổng đạt, niêm yết thì địa chỉ này đang do người khác sử dụng. Và việc thực hiện niêm yết văn bản thông báo không thực hiện được vì vấp phải sự phản đối của sở hữu đang sử dụng ngôi nhà. Hiện chưa có văn nào hướng dẫn giải quyết tình huống không thể niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng.

### ***3.1.2. Vướng mắc từ quá trình áp dụng pháp luật nội dung***

THADS là việc thực hiện trình tự, thủ tục do luật định để hiện thực hóa quyền và lợi ích được xác định tại bản án, quyết định được thi hành. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức THA, thì chủ thể được hưởng các quyền và lợi ích cũng như phải thực hiện nghĩa vụ được xác lập tại bản án và quyết định được thi hành có thể bị thay đổi như bị chết hoặc mất năng lực hành vi và dẫn tới phải áp dụng luật nội dung để giải quyết việc chuyển giao quyền lợi và nghĩa vụ. Nhưng các quy định về THADS

không quy định quyền hạn và trách nhiệm của chấp hành viên trong việc áp dụng hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền áp dụng luật nội dung để hoạt động THADS không bị đình trệ. Có thể xem xét vấn đề này qua ví dụ sau:

Đề thi hành bản án số 40/KDTM-ST ngày 10/5/2009 của Tòa án ND TP Hà Nội, Cục Trưởng Cục THADS TP. Hà Nội đã ra quyết định THA số 128 ngày 22/8/2009 cho thi hành khoản: *Buộc công ty TNHH Thuận Quốc phải trả Ngân hàng TMCP Việt Á số tiền: 876.500.000đ.*

*Kê biên nhà đất số 31 ngách 508 đường Láng, Hà Nội mang tên chủ sở hữu nhà và sử dụng đất ở là bà Nguyễn Thị Cúc và ông Nguyễn Tuấn Nam để đảm bảo thi hành án.*

Sau khi chấp hành viên thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định, và xác định công ty Thuận Quốc không có khả năng trả nợ cho ngân hàng, Ngày 26/7/2010, chấp hành viên tiến hành định giá tài sản đã được Tòa án kê biên là nhà đất của bà Cúc và ông Nam chuyển cho công ty bán đấu giá thực hiện bán đấu giá.

Công ty bán đấu giá ấn định bán đấu giá ngày 31/10/2010 và thực hiện đầy đủ các thủ tục thông báo, niêm yết theo quy định hiện hành.

Ngày 23/10/2010, bà Cúc cùng đại diện Ngân hàng thỏa thuận lùi ngày bán đấu giá đến 31/11/2010 để thu xếp tiền THA và ông Nam mới chết ngày 09/10/2010. Phía công ty bán đấu giá nhất trí với thỏa thuận trên.

Sau đó, việc đấu giá được thực hiện và bán được tài sản nhưng vẫn chưa giao được tài sản do có khiếu nại của các con và mẹ ông Nam về quyền thừa kế tài sản đã kê biên nêu trên.

Qua ví dụ trên ta thấy vai trò của cơ quan THADS và chấp hành viên trong việc áp dụng luật nội dung không được quy định. Trong trường hợp này, cơ quan THADS có thể cho tạm dừng, hoãn, tạm đình chỉ vụ việc để chờ cơ quan có thẩm quyền xác định quyền thừa kế của các thừa kế của ông Nam hay không? Trong trường hợp người thừa kế không làm thủ tục (khởi kiện hoặc khai nhận thừa kế) để xác lập quyền sở hữu di sản và tiếp nhận nghĩa vụ của người để lại di sản thì chấp hành viên có quyền khởi kiện để yêu cầu chia di sản đã được kê biên định giá hay không?

Giả thiết nếu trường hợp ông Nam chết, sau khi đã xử lý xong tài sản thì số tiền còn lại, Chấp hành viên có được quyền phân chia thừa kế hay phải hướng dẫn những người thừa kế phải làm thủ tục khai nhận thừa kế hoặc khởi kiện chia thừa kế? Và vụ việc sẽ tiếp tục bế tắc nếu tuân thủ tuyệt đối quy định của luật hiện hành.

### ***3.1.3. Vướng mắc trong việc phối hợp tổ chức cưỡng chế***

Nhìn chung, sau khi Luật THADS có hiệu lực, các cơ quan hữu quan trên địa bàn thành phố Hà Nội đã có trách nhiệm hơn trong việc phối hợp với cơ quan THADS trong công tác THADS mà đặc biệt là trong hoạt động tổ chức cưỡng chế THA.

Mối quan hệ phối hợp cưỡng chế THA có thể được chia ra làm hai mảng chính:

***- Phối hợp trong việc thực hiện các thủ tục xác minh, tổng đạt để phục vụ cưỡng chế.***

***- Phối hợp trong việc cử lực lượng bảo vệ cưỡng chế và cử thành phần tham gia hoạt động cưỡng chế.***

*Thứ nhất*, trong việc tổ chức cưỡng chế như kê biên tài sản, giao tài sản cho người mua được tài sản, thì vai trò của lực lượng bảo vệ lực lượng cưỡng chế đóng vai trò quyết định tới việc có tổ chức cưỡng chế được hay không. Trên địa bàn thành phố Hà Nội, những vụ việc cưỡng chế cần lực lượng bảo vệ là khá nhiều. Nhưng để có lực lượng công an bảo vệ cưỡng chế, tại cuộc họp trụ bị cưỡng chế, dự thảo kế hoạch cưỡng chế của cơ quan THADS phải được các ban ngành nhất trí (cá biệt có một số trường hợp phải có sự nhất trí về cả nội dung bản án, quyết định). Nếu không được sự nhất trí tại cuộc họp này, hiếm khi cơ quan công an cử lực lượng để bảo vệ cưỡng chế.

Mặt khác, do thành phố Hà Nội là địa bàn thường diễn ra các sự kiện quan trọng của đất nước nên việc lực lượng công an thành phố và quận, huyện, xã, phường phải tập trung lực lượng để làm nhiệm vụ chính trị, khi đó việc cưỡng chế sẽ chưa thể được tổ chức.

Tại Quyết định số: 1501/2008/QĐ-BCA(C11) ngày 10/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành quy trình hỗ trợ cưỡng chế THADS của lực lượng Cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp thuộc Công an nhân dân đã quy định tại Điều 2:



*Hỗ trợ cưỡng chế thi hành án dân sự khi có yêu cầu của cơ quan thi hành án là trách nhiệm của lực lượng Công an nhân dân, trong đó lực lượng Cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp là nòng cốt nhằm bảo vệ trật tự an toàn cho việc cưỡng chế, phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý kịp thời mọi hành vi vi phạm pháp luật; góp phần bảo vệ lợi ích của Nhà nước, lợi ích chính đáng của tổ chức, cá nhân [2].*

Tuy nhiên, Quy trình này không quy định thời hạn cụ thể kể từ thời điểm nhận được yêu cầu hỗ trợ cưỡng chế THADS của cơ quan THADS, cơ quan công an cùng cấp phải xây dựng và phê duyệt kế hoạch và phương án hỗ trợ cưỡng chế THADS.

Hiện nay, Luật THADS và các văn bản luật hướng dẫn thi hành Luật THADS không quy định việc tổ cưỡng chế phải hoãn nếu không có lực lượng bảo vệ vì kế hoạch và phương án hỗ trợ cưỡng chế THADS của cơ quan công an cùng cấp chưa được cấp trên phê duyệt để triển khai lực lượng. Do vậy, trong thực tế, cơ quan THADS và Chấp hành viên rất vất vả trong việc phối hợp với cơ quan công an để có được bản kế hoạch trên. Mặt khác, do không có quy định cụ thể về vấn đề này, nên lí do chưa có lực lượng bảo vệ cưỡng chế được đưa ra để tạm dừng tổ chức cưỡng chế thường được cơ quan THADS đưa ra. Như vậy, sự thiếu quy định rõ ràng là kẽ hở để cơ quan THA vận dụng trì hoãn việc cưỡng chế THA.

*Thứ hai*, đối với việc thực hiện các thủ tục phối hợp xác minh, tổng đạt để phục vụ cưỡng chế thì sự phối hợp ở đây thường tùy thuộc vào nhận thức của lãnh đạo đơn vị. Để có thể thực hiện được việc xác minh số dư tài khoản, chấp hành viên phải làm việc với Ngân hàng và tổ chức tín dụng và thực tế là rất ít lãnh đạo ngân hàng nhận thức được nghĩa vụ theo luật định là phải cung cấp thông tin ngay. Cá biệt, một số lãnh đạo ngân hàng còn cố tình kéo dài thời gian xác minh để tạo điều kiện cho khách hàng là người phải THA tẩu tán tiền trong tài khoản.

Không chỉ với các Ngân hàng, mà bản thân sự phối hợp của các cơ quan hữu quan của nhà nước cũng rất thờ ơ. Có nhiều trường hợp, để xác minh tình trạng doanh nghiệp là người phải THA, Chấp hành viên phải đi lại nhiều lần và mất thời gian dài (khoảng 07 đến 15 ngày) mới có thể nhận được kết quả xác minh ví dụ như cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh.

Sự phối hợp của chính quyền địa phương nơi cư trú của người phải THA, nơi có tài sản phải xử lý có ý nghĩa quan trọng đối với tiến độ giải quyết vụ việc. Có thể nói, không có sự phối hợp của chính quyền địa phương, sẽ không thể có buổi cưỡng chế thành công. Về cơ bản, chính quyền phường, xã trên địa bàn thành phố Hà Nội đều nhận thức được nghĩa vụ phối hợp với chấp hành viên trong hoạt động THADS, nhưng trong thực tế, do nhiều lí do khách quan và chủ quan mà chấp hành viên phải đi lại nhiều lần, liên hệ trước để xin lịch làm việc nhiều lần mới có thể tiếp cận được chính quyền. Một số trường hợp, do ngại trách nhiệm đã né tránh việc cung cấp thông tin cho Chấp hành viên.

#### ***3.1.4. Sự xung đột giữa pháp luật thi hành án dân sự và các quy định chuyên ngành ở địa phương***

Quy định của pháp luật THADS chỉ quy định thủ tục để THA, trong thực tế có một số quy định của pháp luật THA không đồng nhất với các quy định chuyên ngành của các bộ ngành khác hay với quy định đặc thù của từng địa phương. Sự không đồng nhất này có thể gọi là sự xung đột pháp luật.

Để thấy rõ sự xung đột này, chúng ta sẽ phân tích ví dụ trong thực tế sau: Để thi hành khoản: ông A phải trả ông B 01 tỷ đồng, chấp hành viên xác minh được ông A có 100 m<sup>2</sup> đất ở quận Đống Đa, Hà Nội và giá đất trên thị trường tại vị trí tương đương là 100 triệu/m<sup>2</sup>. Chấp hành viên chỉ tiến hành kê biên 10,5 m<sup>2</sup> đất theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 09/9/2009: "*cưỡng chế thi hành án phải tương ứng với nghĩa vụ của người phải thi hành án và các chi phí cần thiết*" [25]. Sau khi bán đấu giá diện tích trên và giao cho người trúng đấu giá thì phát sinh khiếu nại vì người trúng đấu giá không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 58/2009/QĐ-UBND ngày 30/3/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về hạn mức giao đất ở đối với thửa đất có vườn, ao trong khu dân cư, kích thước, diện tích đất ở tối thiểu được tách cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội quy định:

*Thửa đất được hình thành từ việc tách thửa và thửa đất còn lại sau khi tác thửa nếu đảm bảo các điều kiện sau thì được cấp Giấy chứng nhận:*

*a) Có chiều rộng mặt tiền và chiều sâu so với chỉ giới xây dựng từ 3m trở lên.*

*b) Có diện tích không nhỏ hơn 30m<sup>2</sup>/thửa [67].*

Như vậy, đã có sự mâu thuẫn giữa hai quy định này, nếu chấp hành viên kê biên, phát mại 10.5m<sup>2</sup> đất ở thì người mua được tài sản không thể làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì không đáp ứng điều kiện của địa phương đặt ra. Nếu chấp hành viên kê biên hơn 30m<sup>2</sup> đất ở thì vi phạm pháp luật THA. Việc giải quyết những xung đột khác tương tự là vấn đề khá nan giải.

### ***3.1.5. Một số vướng mắc xuất phát từ các cơ quan tiến hành tố tụng***

Việc xử lý tài sản đã được bản án, quyết định của Tòa án kê biên cũng có khá nhiều vướng mắc, đặc biệt đối với các bản án hình sự. Trong bản án hình sự, việc Hội đồng xét xử tuyên kê biên tài sản là khá phổ biến, từ điện thoại di động đến xe máy hay nhà đất. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thường căn cứ vào việc biên bản tạm giữ tài sản hoặc quyết định kê biên trong quá trình điều tra của cơ quan công an và ra quyết định tiếp tục kê biên mà thường không tiến hành xác minh lại quyền sở hữu có hoàn toàn thuộc về bị cáo hay không cũng như hiện trạng của tài sản đã được cơ quan điều tra kê biên. Do vậy, trong thực tế bản án đã tuyên quyết định kê biên toàn bộ tài sản của bị cáo, sau đó khi Chấp hành viên tiến hành xử lý tài sản thì mới phát sinh khiếu nại do việc xử lý tài sản xâm phạm quyền sở hữu của đồng sở hữu với tài sản đó. Điều này thường gặp với loại hình sở hữu chung hợp nhất theo phần của vợ chồng.

Ví dụ: Tại bản án số 392/HSPT ngày 05 tháng 6 năm 2008 của Tòa phúc thẩm tại Hà Nội - Tòa án nhân dân tối cao tuyên: Tiếp tục kê biên ngôi nhà số 4 Nguyễn Bình Khiêm, phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội của Trần Thanh Hà để đảm bảo thi hành án .

Sau khi cơ quan THADS ra quyết định THA và chấp hành viên tiến hành xác minh thì được biết đây là nhà thuộc sở hữu của nhà nước, đang thuộc diện bán theo Nghị định 61. Như vậy, Chấp hành viên sẽ gặp khó vì bản án đã tuyên kê biên để đảm bảo THA nhưng việc phát mại tài sản thuộc sở hữu của nhà nước đang cho thuê thì chưa được Luật THADS đề cập.

Cũng tại bản án này đã tuyên kê biên một ô tô Mitsubishi biên kiểm soát: 29V-7212 của Nguyễn Thị Đông để đảm bảo THA.

Chấp hành viên tiến hành xác minh thì được biết, chiếc xe này đã được công an điều tra kê biên trong quá trình điều tra, nhưng đăng ký chiếc xe này đứng tên ông Nguyễn Cao Long (là chồng của bà Đông).

Qua ví dụ trên, ta có thể thấy được sự phức tạp trong việc áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tụng dẫn đến những khó khăn cho cơ quan THADS trong thực tiễn.

### **3.1.6. Một số vướng mắc trong quy định chi phí cưỡng chế**

Chi phí cưỡng chế THADS có vai trò rất quan trọng để việc cưỡng chế có thể diễn ra hay không. *Chi phí cưỡng chế thi hành án* là các khoản chi phí do người phải THA chịu để tổ chức cưỡng chế THA, trừ trường hợp pháp luật quy định chi phí cưỡng chế THA do người được THA hoặc do ngân sách nhà nước chi trả (khoản 8 Điều 3 Luật THADS). Tuy nhiên, trên thực tế việc thu chi phí cưỡng chế của người phải THA là rất khó khăn và chấp hành viên là người phải chịu trách nhiệm thu tiền chi phí cưỡng chế của người bị cưỡng chế. Điều này sẽ khiến chấp hành viên né tránh việc tạm ứng chi phí cưỡng chế từ cơ quan và yêu cầu người được THA phải chi tiền chi phí cưỡng chế. Điều này là không đúng quy định của Luật nhưng nó vẫn diễn ra trên thực tế.

Mức tiền chi bồi dưỡng cho lực lượng trực tiếp tham gia cưỡng chế được quy định tại Thông tư 184/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 19/12/2011 giữa Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định với mức chi là 70.000đ/người/ngày đã tăng so với mức 40.000đ/ngày/người trước đây. Nhưng trong thực tế, việc bồi dưỡng cưỡng chế, đặc biệt là ở địa bàn đô thị như thành phố Hà Nội thì mức bồi dưỡng như trên vẫn còn thấp. Vì vậy, Chấp hành viên thường phải chi vượt mức quy định và số tiền chênh lệch sẽ phải đề nghị người được THA hỗ trợ. Một lần nữa, Chấp hành viên phải làm trái luật vì bất khả kháng.

Tại điểm b, khoản 1, Điều 2 Thông tư liên tịch Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính về kinh phí tổ chức cưỡng chế THADS số: 184/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 19/12/2011 giữa Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định: "*Chi phí mua nguyên liệu, nhiên liệu, thuê phương tiện, thiết bị bảo vệ, y tế, phòng, chống cháy, nổ, các thiết bị, phương tiện cần thiết khác cho việc cưỡng chế thi hành án*" [4].

Nhưng trong thực tế tổ chức cưỡng chế tại thành phố Hà Nội thì lực lượng bảo vệ cưỡng chế, phòng chống cháy, nổ đều do lực lượng công an, quân đội đảm nhiệm, lực lượng này không thể cung cấp hóa đơn để chấp hành viên hạch toán vào chi phí cưỡng chế. Nhưng thực tế vẫn phải có chi phí riêng cho lực lượng này và người được THA phải miễn cưỡng chi trả các khoản này dù luật không quy định.

Từ những vấn đề nêu trên, có thể đưa ra nhận định là nếu người được THA không hỗ trợ kinh phí cưỡng chế cho cơ quan THADS thì rất khó thực hiện được việc cưỡng chế. Lý do bắt nguồn từ những quy định không cập nhật được với sự phát triển của xã hội cũng như thiếu tính thực tiễn liên quan đến chi phí cưỡng chế THA.

- Vướng mắc trong việc áp dụng khoản 5 Điều 115 Luật THADS, Quy định này như sau:

*Trường hợp cưỡng chế giao nhà là nhà ở duy nhất của người phải thi hành án cho người mua được tài sản bán đấu giá, nếu xét thấy sau khi thanh toán các khoản nghĩa vụ thi hành án mà người phải thi hành án không còn đủ tiền để thuê nhà hoặc tạo lập nơi ở mới thì trước khi làm thủ tục chi trả cho người được thi hành án, Chấp hành viên trích lại từ số tiền bán tài sản một khoản tiền để người phải thi hành án thuê nhà phù hợp với giá thuê nhà trung bình tại địa phương trong thời hạn 01 năm [56].*

Đây là quy định rất mới tại Luật THADS đã tạo điều kiện thuận lợi cho chấp hành viên khi tổ chức cưỡng chế cũng như đảm bảo tính nhân đạo của pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên quy định này lại hạn chế phạm vi áp dụng là: *Trong trường hợp cưỡng chế giao nhà*. Tức là sau khi việc bán đấu giá nhà được thực hiện xong mà người có tài sản bị xử lý tự nguyện giao nhà sẽ không được hưởng quy định này. Và người được THA cũng sẽ không chấp nhận việc trích lại tiền từ việc bán nhà để tạo lập nơi ở mới vì không có căn cứ pháp luật. Vô hình chung, quy định này buộc người phải THA không tự nguyện THA và cơ quan THA buộc phải tổ chức cưỡng chế giao tài sản.

### **3.2. Kiến nghị, giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền trong thi hành án dân sự**

#### **3.2.1. Về lực lượng đảm bảo cưỡng chế thi hành án**

Những vấn đề đã đề cập ở trên, cưỡng chế THADS là hoạt động cốt lõi của công tác THADS nhưng việc cưỡng chế thành công hay không lại cần có sự phối

hợp của các cơ quan hữu quan, đặc biệt là công tác bảo vệ cưỡng chế của cơ quan công an. Do vậy để đảm bảo hoạt động cưỡng chế THADS được độc lập nhất định thì cần phải nguyên cứu và từng bước xây dựng lực lượng bảo vệ cưỡng chế chịu sự điều hành của cơ quan THADS. Chỉ khi có lực lượng này, các hoạt động THADS nói chung và cưỡng chế nói riêng mới đảm bảo tính hiệu quả cao nhất.

### **3.2.2. Về xây dựng pháp luật**

*Thứ nhất*, việc ra đời Luật THADS với việc quy định một biện pháp cưỡng chế mới là: Khai thác tài sản của người phải THA. Tuy nhiên, quy định còn tương đối sơ sài nên cần phải được quy định hướng dẫn chi tiết trình tự thủ tục áp dụng để biện pháp này phát huy được tác dụng như mong muốn của các nhà lập pháp khi soạn thảo Luật.

*Thứ hai*, việc quy định biện pháp cưỡng chế kê biên, khai thác quyền sở hữu trí tuệ là rất đúng đắn, đáp ứng được đòi hỏi của thực tế, nhưng việc dành một Mục 5 gồm 3 Điều luật là chưa đủ để Chấp hành viên có thể nhận thức được toàn diện vấn đề khi áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với loại quyền tài sản đặc thù này. Trên thực tế, ngay tại địa bàn thành phố Hà Nội, số lượng Chấp hành viên biết và hiểu rõ các quy định liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ là không nhiều. Mặt khác, các quy định trong văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ có thể áp dụng trong hoạt động áp dụng biện pháp cưỡng chế THA là chưa rõ ràng. Vì vậy, cần sớm ban hành các quy định hướng dẫn về điều kiện, trình tự, thủ tục, kê biên, định giá phát mại với loại tài sản vô hình đặc thù có giá trị lớn này.

*Thứ ba*, cần rà soát toàn bộ các quy định liên quan đến cưỡng chế THADS để nhất quán các quy định về cưỡng chế THADS từ Luật THADS cho đến các văn bản dưới luật để đảm bảo sự nhanh, gọn, hiệu quả, đúng luật trong hoạt động cưỡng chế THADS và đặc biệt là cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền. Cần sớm đưa ra các nguyên tắc chung nhất để ngăn chặn sự lạm quyền của Chấp hành viên và tạo điều kiện thông thoáng cho Chấp hành viên có thể thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, đặc biệt là trong việc tổ chức cưỡng chế THA. Tránh những quy định làm phức tạp hóa vụ việc như tại Thông tư 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSTNDTC. Điều đó cũng giảm thiểu được sự xung đột pháp luật giữa các quy định của THADS với các văn bản quy phạm pháp luật của các bộ, ngành khác và của địa phương. Nói cách khác, các

quy định về cường chế THADS không quá chi tiết, cụ thể vì luật và các văn bản hướng dẫn dưới luật không thể dự liệu được tất cả các tình huống trong thực tế.

*Thứ tư*, Việc ban hành Thông tư liên tịch số 184/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 19/12/2011 thay thế Quyết định số 73/2007/QĐ-TTg ngày 25/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính về kinh phí tổ chức cường chế THADS số: 68/2006/TTLT-BTC-BTP ngày 26/7/2006 không phù hợp với thực tiễn. Tuy nhiên, Thông tư 184/2011 vẫn quy định mức chi bồi dưỡng cụ thể cho lực lượng tham gia cường chế sẽ sớm lạc hậu do sự điều chỉnh lương thường xuyên của nhà nước. Để đảm bảo tính ổn định văn bản pháp luật cũng như tạo thuận lợi cho hoạt động cường chế thì cần quy định mức chi bồi dưỡng theo sự thay đổi của mức lương cơ bản. Ví dụ mức chi bồi dưỡng cho lực lượng tham gia cường chế có thể bằng 10% /ngày/người mức lương cơ bản hiện hành do nhà nước quy định, điều này sẽ đảm bảo mức bồi dưỡng phù hợp và tạo động lực cho lực lượng cường chế hoàn thành tốt công việc cường chế THADS. Ngoài ra, cần có quy định cho phép người được THA có thể tự nguyện hỗ trợ chi phí cường chế cho cơ quan THADS trước khi cường chế để tạo điều kiện thuận lợi cho chấp hành viên tổ chức việc cường chế được nhanh chóng và có kết quả.

Cuối cùng, từ những vướng mắc được phân tích ở phần trên, thì việc cần có kế hoạch nghiên cứu tổng thể về mặt thực tiễn áp dụng Luật THADS để lên phương án sửa đổi Luật THADS và các thông tư, nghị định hướng dẫn thi hành cho phù hợp hơn nữa với thực tiễn.

### **3.2.3. Một số đề xuất khác**

Cần nghiên cứu để xây dựng hình tổ chức cơ quan THADS cấp huyện phù hợp với nhu cầu thực tế ở địa phương. Điều này sẽ đảm bảo việc sử dụng có hiệu quả nguồn lực của xã hội cho hoạt động THADS, tránh tình trạng phải đầu tư dàn trải từ trụ sở, kho tàng đến con người dẫn đến hiệu quả đầu tư không cao. Như đề cập ở phần Chương 1, có đơn vị THADS cấp huyện có số vụ việc phải thi hành rất ít nhưng vẫn cần có đủ trụ sở, kho tàng, cũng như bộ máy con người, ngược lại có đơn vị cần được tăng cường cả về nhân lực và cơ sở vật chất để đáp ứng được khối lượng công việc phát sinh hàng năm lớn lại thiếu nguồn lực để đầu tư. Việc nghiên cứu và thử nghiệm mô hình tổ chức cơ quan THADS cấp huyện theo mô hình Tòa án khu vực cần sớm

được tính đến. Đây rất có thể là giải pháp hiệu quả để khắc phục tình trạng bất hợp lý nêu trên.

Cần phải xây dựng một chiến lược về phát triển nguồn nhân lực trong ngành THADS để đáp ứng được những đòi hỏi của tình hình mới. Cần thực có hiệu quả việc bồi dưỡng, đào tạo lại đội ngũ công chức làm công tác THADS. Việc đào tạo bồi dưỡng không chỉ dừng lại ở việc cập nhật các văn bản mới cho công chức mà cần đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng làm việc cho từng bộ phận công chức. Trong đó, đối tượng cần được ưu tiên bồi dưỡng, đào tạo là công chức lãnh đạo. Công chức lãnh đạo cần có kiến thức chuyên môn nhất định về mọi mặt hoạt động của đơn vị để đảm bảo tính hiệu quả của đơn vị mình lãnh đạo vì trong thực tế không phải công chức lãnh đạo nào cũng có thể tự mình nắm bắt được. Ngoài ra, việc nâng cao chất lượng đầu vào khi tuyển dụng công chức cũng cần được chú trọng.

Triển khai sâu rộng việc tin học hóa hoạt động quản lý, điều hành THADS, sử dụng có hiệu quả hộp thư điện tử, xây dựng và khai thác có hiệu quả cơ sở dữ liệu về THADS nói riêng bao gồm những thông tin của người được THA và người phải THA và khai thác dữ liệu trên Internet nói chung cho các đơn vị THADS từ cấp tỉnh xuống đến cấp huyện.

Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật về THADS để nâng cao nhận thức của nhân dân về pháp luật nói chung và những quy định về THADS, qua đó góp phần xây dựng ý thức của người dân đối với hoạt động THADS. Điều này sẽ nâng cao được hiệu quả của hoạt động THADS.

### **3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự**

Để nâng cao hiệu quả công tác THADS nói riêng, phát huy tính khả thi của các biện pháp cưỡng chế nói chung, tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

*Thứ nhất*, các bản án, quyết định của Tòa án cần tuyên rõ ràng, cụ thể, có thể thi hành trên thực tế.

Việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế THADS gặp nhiều khó khăn, kéo dài một phần do nhiều bản án, quyết định của Tòa án các cấp tuyên không rõ ràng, khó thi hành trên thực tế. Có trường hợp, chấp hành viên được giao giải quyết vụ việc khi tiếp nhận phát hiện ra và phải làm văn bản đề nghị Tòa án giải thích làm kéo dài việc thi hành án. Thậm chí, có trường hợp phức tạp hơn khi tổ chức cưỡng



chế mới phát sinh vướng mắc, không thi hành được do Tòa án tuyên không rõ, đặc biệt là các vụ án về tranh chấp thừa kế, tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ, cổ phần trong doanh nghiệp... Vấn đề này vừa gây khó khăn cho cơ quan THADS, vừa kéo dài vụ việc gây thiệt hại cho người được và người phải thi hành án, giảm lòng tin của nhân dân với pháp luật và chính quyền. Vì vậy, khi quyết định nghĩa vụ của đương sự, Tòa án phải nêu cụ thể, chi tiết, thi hành được; đặc biệt phải làm rõ hậu quả pháp lý các nghĩa vụ này phát sinh (như: Giấy tờ đăng ký quyền sở hữu, giấy chứng nhận quyền sử dụng, giấy phép, giấy chứng nhận quyền sở hữu trí tuệ...).

*Thứ hai*, tiếp tục hoàn thiện pháp luật về THADS và các văn bản pháp luật có liên quan.

Để nâng cao hiệu quả của việc áp dụng biện pháp cưỡng chế THADS trước hết chúng ta cần phải hoàn thiện hệ thống pháp luật về THADS nói chung và các quy định cưỡng chế nói riêng như: Xây dựng, ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật; ban hành các thông tư liên tịch phối hợp các ngành liên quan; các quy chế phối hợp liên ngành... Đặc thù của hoạt động THADS liên quan đến rất nhiều ngành, lĩnh vực, nhất là việc cưỡng chế đòi hỏi tham gia của nhiều lực lượng phối hợp. Nếu có hành lang pháp lý quy định rõ ràng trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của từng cơ quan sẽ dẫn đến tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, tất cả đổ dồn lên đầu cơ quan THADS và chấp hành viên. Bên cạnh đó, nhiều văn bản pháp luật khác liên quan cũng cần hoàn thiện thống nhất, tránh chồng chéo để cơ quan THADS thuận lợi khi áp dụng các biện pháp cưỡng chế như: Luật Nhà ở, Luật Công chứng, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Đất đai...

*Thứ ba*, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo THADS các địa phương. Luật Thi hành án dân sự và nghị định hướng dẫn của Chính phủ quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, thành phần của Ban chỉ đạo THADS ở địa phương nhằm tập trung chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn cho cơ quan THADS và phối hợp tổ chức cưỡng chế những vụ án phức tạp. Tuy nhiên, nhiều địa phương do thiếu sự quan tâm của Trưởng Ban chỉ đạo THADS nên hoạt động của Ban không thường xuyên, mang tính hình thức. Do đó, nhiều vụ việc phức tạp, đòi hỏi có sự vào cuộc tích cực của các ban, ngành địa phương chưa được đôn đốc kịp thời, cơ quan THADS chưa tổ chức cưỡng chế theo đúng quy định, việc thi hành án kéo

dài. Thậm chí có nơi do sự thiếu quyết đoán của Ban chỉ đạo nên khi cơ quan THADS đưa ra hợp bản phối hợp cưỡng chế, các đơn vị khác đều kêu khó, trì hoãn nhiều năm trời, gây thiệt hại cho đương sự và bức xúc dư luận. Vì vậy, mỗi địa phương cần quan tâm duy trì hoạt động của Ban chỉ đạo THADS đi vào thực chất, chỉ đạo quyết liệt thi hành các vụ án phức tạp, có giá trị lớn, cưỡng chế với các vụ án đương sự chống đối, kéo dài nhiều năm hoặc có liên quan đến cán bộ địa phương. Ở cấp trung ương, các Bộ liên quan cần tăng cường phối hợp với Bộ Tư pháp về lĩnh vực THADS thông qua việc ký kết các Quy chế phối hợp liên ngành nhằm tháo gỡ khó khăn khi tổ chức cưỡng chế. Trong đó, giữa Bộ Tư pháp và các ngành Tòa án, Kiểm sát, Công an cần thường xuyên trao đổi thông tin, giải quyết kịp thời những phát sinh trong THADS nói chung và cưỡng chế nói riêng, tránh tình trạng né tránh, nể nang kéo dài việc THADS. Hiện nay, giữa các đơn vị này đã ký kết Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT ngày 26/7/2010, số 14/2011/TTLT ngày 11/7/2011, số 03/2012/TTLT ngày 30/3/2012, Quy chế phối hợp liên ngành số 14/2013/QCLN ngày 09/10/2013... Tuy nhiên, để các quy định này được áp dụng thuận lợi, mỗi địa phương cần ban hành quy chế phối hợp cụ thể giữa các đơn vị nhằm phù hợp với đặc điểm thực tiễn THADS trên địa bàn mình. Bên cạnh đó, các cơ quan THADS cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp khác, như đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền pháp luật về thi hành án dân sự để nhân dân hiểu và tự giác chấp hành, hạn chế việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế; nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức cán bộ, công chức ngành thi hành án; xử lý nghiêm những hành vi tham nhũng, tiêu cực khi thi hành công vụ...

## KẾT LUẬN

Biện pháp cưỡng chế THADS được thực hiện nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân cũng như bảo vệ sự nghiêm minh của pháp luật qua việc bảo đảm việc thi hành các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Vì vậy, biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền cũng không nằm ngoài ý nghĩa trên. Việc áp dụng những biện pháp cưỡng chế đã đem lại những hiệu quả tích cực cho hoạt động THA nói riêng và cho xã hội nói chung. Với sự đa dạng của mình, biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền đã đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền được nhanh chóng, hiệu quả khi người có nghĩa vụ không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ.

Qua việc nghiên cứu thực tiễn áp dụng biện pháp cưỡng chế này, chúng ta thấy còn khá nhiều vướng mắc: Từ những quy định trong Luật THADS đến các văn bản hướng dẫn luật còn chưa tiên liệu được sự đa dạng, phức tạp của hoạt động thực tiễn dẫn đến hiệu quả cưỡng chế không cao. Vấn đề con người thực hiện hoạt động cưỡng chế cũng còn nhiều hạn chế về mặt nhận thức và năng lực và những lí do chủ quan và khách quan nên quyền và lợi ích của cả người được THA và người phải THA vẫn còn bị xâm phạm trong hoạt động THADS. Việc nhận thức về trách nhiệm phối hợp trong hoạt động THADS của các cơ quan cơ quan nhà nước (bao gồm cả cơ quan tư pháp) đến các tổ chức xã hội liên quan đã gây ra trở ngại vô hình làm giảm tính hiệu quả của hoạt động THADS.

Sau khi Luật THADS có hiệu lực một hệ thống cơ quan THADS độc lập từ trung ương đến địa phương được hình thành đã tháo gỡ được một số vướng mắc trong hoạt động THADS và cưỡng chế THADS. Những để có thể tạo dựng một hệ thống cơ quan THADS vững mạnh, hoạt động THADS có hiệu quả, giảm thiểu số lượng việc tồn đọng hàng năm, cũng như đề cao việc tự nguyện THA nhưng đồng thời kiên quyết cưỡng chế THADS có hiệu quả đối với các trường hợp cố tình không chấp hành pháp luật thì cần phải tiếp tục hoàn thiện những quy định pháp luật về THADS và đặc biệt là các quy định về cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền.

Một vấn đề rất thời sự là cần phải giải quyết hài hòa vấn đề xã hội hóa trong lĩnh vực THADS, làm sao phát huy được tính tích cực của việc xã hội hóa nhằm huy động các nguồn lực của xã hội để đưa ngành THADS lên một tầm cao mới, không tạo ra tính cạnh tranh tiêu cực giữa hệ thống Văn phòng thừa phát lại với cơ quan THADS hiện hành.

Trên đây là toàn bộ nội dung đề tài nghiên cứu của tác giả về biện pháp cường chế thi hành nghĩa vụ trả tiền trong hoạt động THADS.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Bằng (2011), "Một số ý kiến về việc áp dụng biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án dân sự", *Nghề Luật*, (3).
2. Bộ Công an (2008), *Quyết định số: 1501/2008/QĐ-BCA(C11) ngày 10/9 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành quy trình hỗ trợ cưỡng chế thi hành án dân sự của lực lượng Cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp thuộc Công an nhân dân*, Hà Nội
3. Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp (1997), *Thông tư liên tịch số 119/TTLT-BTC-BTP ngày 04/6 hướng dẫn kê biên tài sản của doanh nghiệp*, Hà Nội.
4. Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp (2011), *Thông tư liên tịch số 184/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 19/12 Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính về kinh phí tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự*, Hà Nội.
5. Bộ Tư pháp (2005), *Công văn số 404/TP-THA ngày 24/02 hướng dẫn một số vấn đề nghiệp vụ thi hành án*, Hà Nội.
6. Bộ Tư pháp (2008), *Tờ trình số 09/TTr-BTP ngày 13/8 về dự án Luật thi hành án dân sự*, Hà Nội.
7. Bộ Tư pháp (2009), "Chuyên đề 6 - Quy định về cưỡng chế thi hành án", *Tài liệu tập huấn nghiệp vụ thi hành án dân sự*, Hà Nội.
8. Bộ Tư pháp - Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2001), *Thông tư liên tịch số 12/2001/TTLT-BTP-VKSNDTC ngày 26/02 hướng dẫn thực hiện một số quy định pháp luật về thi hành án dân sự*, Hà Nội.
9. Bộ Tư pháp - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao (1993), *Thông tư liên tịch số 981/TTLN-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 21/9 hướng dẫn một số quy định của Pháp lệnh Thi hành án dân sự*, Hà Nội.
10. Bộ Tư pháp - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao (2010), *Thông tư liên tịch số 14/TTLT-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 26/7 hướng dẫn một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự*, Hà Nội.
11. Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng (2009), *Hồ sơ thi hành án số 52 ngày 08/7*, Hà Nội.

12. Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Giấy (2015), *Sổ ra quyết định cưỡng chế thi hành án*, Hà Nội.
13. Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Giấy (2016), *Sổ ra quyết định cưỡng chế thi hành án*, Hà Nội
14. Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình (2015), *Sổ ra quyết định cưỡng chế thi hành án*, Hà Nội.
15. Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình (2016), *Sổ ra quyết định cưỡng chế thi hành án*, Hà Nội.
16. Chi cục thi hành án dân sự quận Tây Hồ (2015), *Sổ ra quyết định cưỡng chế thi hành án*, Hà Nội.
17. Chi cục thi hành án dân sự quận Tây Hồ (2016), *Sổ ra quyết định cưỡng chế thi hành án*, Hà Nội.
18. Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng (2015), *Sổ ra quyết định cưỡng chế thi hành án*, Hà Nội.
19. Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng (2016), *Sổ ra quyết định cưỡng chế thi hành án*, Hà Nội.
20. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Lộc (2015), *Báo cáo thành tích đề nghị Bộ Tư pháp tặng cờ thi đua ngành tư pháp năm 2015*, Nam Định.
21. Chính phủ (1993), *Nghị định số 69/1993/NĐ-CP ngày 18/10 quy định về thủ tục thi hành án dân sự*, Hà Nội.
22. Chính phủ (2004), *Nghị định số 173/2004/NĐ-CP ngày 30/9 quy định về thủ tục cưỡng chế và xử phạt vi phạm hành chính trong thi hành án dân sự*, Hà Nội.
23. Chính phủ (2004), *Nghị định số 164/2004/NĐ-CP ngày 14/9 về kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất để đảm bảo thi hành án*, Hà Nội.
24. Chính phủ (2006), *Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm*, Hà Nội.
25. Chính phủ (2009), *Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13/7 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự về thủ tục thi hành án dân sự*, Hà Nội.

26. Chính phủ (2015), *Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự về thủ tục thi hành án dân sự*, Hà Nội.
27. Chính phủ (2010), *Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 4/3 về bán đấu giá tài sản*, Hà Nội.
28. Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (2006), *Hồ sơ thi hành án số 128 ngày 22/8*, Hà Nội.
29. Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (2008), *Hồ sơ thi hành án số 99 ngày 11/4*, Hà Nội.
30. Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (2008), *Hồ sơ thi hành án số 100 ngày 11/4*, Hà Nội.
31. Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (2008), *Hồ sơ thi hành án số 303 ngày 10/12*, Hà Nội.
32. Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (2009), *Sổ ra quyết định cưỡng chế thi hành án*, Hà Nội.
33. Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (2009), *Hồ sơ thi hành án số 1224 ngày 21/8*, Hà Nội.
34. Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (2010), *Sổ ra quyết định cưỡng chế thi hành án*, Hà Nội.
35. Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (2010), *Tài liệu Hội nghị triển khai công tác thi hành án dân sự năm 2010*, Hà Nội.
36. Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (2013), *Tài liệu Hội nghị triển khai công tác thi hành án dân sự năm 2013*, Hà Nội.
37. Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (2014), *Tài liệu Hội nghị tổng kết công tác năm 2014* Hà Nội.
38. Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (2015), *Tài liệu Hội nghị tổng kết công tác năm 2014* Hà Nội.
39. Cục Thi hành án dân sự Tỉnh Nam Định (2016), *Tài liệu Hội nghị tổng kết công tác năm 2014* Nam Định.

40. Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (2011), *Hồ sơ thi hành án số 398 ngày 02/3*, Hà Nội.
41. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (2011), *Báo cáo thành tích đề nghị Bộ Tư pháp Tặng cờ thi đua xuất sắc năm 2011*, Hải Dương.
42. Lê Thu Hà (2011), *Một số vấn đề về hoàn thiện pháp thi hành án dân sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
43. Học viện Tư pháp (2010), *Giáo trình Kỹ năng thi hành án dân sự (phần nghiệp vụ)*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
44. Hoàng Thọ Kiêm (1999), *Tìm hiểu pháp luật thi hành án dân sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
45. Mai Kim Liên (2006), "Nâng cao tính độc lập trong hoạt động của cơ quan thi hành án", *Dân chủ và pháp luật*, (Số chuyên đề về thi hành án dân sự năm 2006).
46. Trần Công Long (2005), "Kê biên, xử lý tài sản của doanh nghiệp để đảm bảo thi hành án", *Dân chủ và pháp luật*, (Số chuyên đề về nghiệp vụ thi hành án dân sự).
47. Phan Tấn Phát (2005), "Về một vướng mắc trong xử lý tài sản kê biên", *Dân chủ và pháp luật*, (Số chuyên đề về nghiệp vụ thi hành án dân sự).
48. Nguyễn Thị Phíp (2009), "Định giá tài sản kê biên theo Luật thi hành án dân sự năm 2008", *Nghề Luật*, (2).
49. Quốc hội (1992), *Hiến pháp*, Hà Nội.
50. Quốc hội (2001), *Hiến pháp (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
51. Quốc hội (2004), *Bộ luật Tổ tụng dân sự*, Hà Nội.
52. Quốc hội (1995), *Bộ luật Dân sự*, Hà Nội.
53. Quốc hội (2005), *Bộ luật Dân sự*, Hà Nội.
54. Quốc hội (2005), *Luật Sở hữu trí tuệ*, Hà Nội.
55. Quốc hội (2006), *Luật chứng khoán*, Hà Nội.
56. Quốc hội (2008), *Luật Thi hành án dân sự*, Hà Nội.
57. Quốc hội (2008), *Luật Sở hữu trí tuệ (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.



58. Star-VietNam (2008), *Tài liệu chuyên đề Star Việt Nam về các vấn đề quan trọng cần xem xét trong quá trình soạn thảo Luật thi hành án dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Dựa trên phân tích các quy định về thi hành án dân sự của Dự thảo 25 Bộ luật thi hành án dân sự*, Hà Nội.
59. Trần Công Thịnh (2007), *Biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản để thi hành án dân sự*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.
60. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), *Giáo trình thi hành án dân sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
61. Lê Anh Tuấn (2010), "Cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án", *Dân chủ và pháp luật*, (Số chuyên đề thi hành án dân sự 2010).
62. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1989), *Pháp lệnh Thi hành án dân sự*, Hà Nội.
63. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1993), *Pháp lệnh Thi hành án dân sự*, Hà Nội.
64. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2004), *Pháp lệnh Thi hành án dân sự*, Hà Nội.
65. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2008), *Luật Thi hành án dân sự*, Hà Nội.
66. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2014), *Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi hành án dân sự*, Hà Nội.
67. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2009), *Quyết định số 58/2009/QĐ-UBND ngày 30/3 về hạn mức giao đất ở đối với thửa đất có vườn, ao trong khu dân cư, kích thước, diện tích đất ở tối thiểu được tách cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Hà Nội.